

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT



Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

# THƯ NGỎ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư và Quý Khách hàng thân mến!

Với chặng đường hơn 10 năm hình thành và phát triển, VMPack luôn không ngừng khẳng định mình, hoạt động theo phương châm mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, đối tác và cổ đông của công ty.

Trong năm 2012, tình hình khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn chưa có sự hồi phục. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh đến từ các công ty đối thủ ngày càng khốc liệt. Bối cảnh ấy đã gây ảnh hưởng sâu sắc đến niềm tin vào thị trường chứng khoán, tuy nhiên công ty vẫn nhận được sự tin tưởng từ các nhà đầu tư. Trong năm 2012, giá cổ phiếu công ty đã tăng lên 290%. Rõ ràng, đây là một năm đầy thử thách đối với doanh nghiệp, nhưng cũng là cơ hội để VMPack khẳng định vị thế của mình.

Ban lãnh đạo chúng tôi đã không ngừng tìm tòi những giải pháp, đột phá để nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, nắm bắt cơ hội kinh doanh vượt qua những trở ngại, khó khăn. Với chiến lược đúng đắn và sự đồng lòng nhất trí của toàn thể cán bộ nhân viên, tôi xin vui mừng thông báo những kết quả đáng khích lệ mà công ty đã đạt được trong năm qua: với 351 tỷ đồng doanh thu thuần, công ty đã vượt 23% so với kế hoạch và tăng 125% so với năm 2011. Lợi nhuận sau thuế là 49 tỷ đồng vượt 171% so với kế hoạch đề ra và tăng 88% so với năm 2011.

Mặc dù năm 2013 sắp tới vẫn còn đó những khó khăn của nền kinh tế, nhưng với nội lực của công ty và những kết quả khả quan đã được trong thời gian vừa qua, chúng tôi tin tưởng rằng công ty sẽ tiếp tục vượt qua những khó khăn và gặt hái thêm nhiều thành công hơn nữa.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và toàn thể công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng, Quý đối tác và Quý cổ đông đã hợp tác và tin tưởng công ty trong thời gian qua. Kính chúc Quý vị thật nhiều sức khỏe và thịnh vượng.

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị

**DƯƠNG ANH TUẤN**



**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

# NỘI DUNG

## Thông tin chung

|   |           |
|---|-----------|
| Quá trình hình thành và phát triển..... | <b>10</b> |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....  | <b>12</b> |
| Cơ cấu tổ chức.....                     | <b>14</b> |
| Định hướng phát triển .....             | <b>15</b> |
| Các rủi ro .....                        | <b>18</b> |
| Triển vọng của công ty.....             | <b>21</b> |

## Tình hình hoạt động trong năm

|  |           |
|--|-----------|
| Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh..... | <b>23</b> |
| Tổ chức và nhân sự .....                     | <b>28</b> |
| Phân tích tình hình tài chính.....           | <b>34</b> |

## Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc

|   |           |
|---|-----------|
| Đánh giá tổng quan .....                  | <b>39</b> |
| Những tiến bộ công ty đã đạt được .....   | <b>44</b> |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai ..... | <b>44</b> |

## Đánh giá của Hội đồng Quản trị

|                                       |           |
|---------------------------------------|-----------|
| Những nét nổi bật của HĐQT .....      | <b>47</b> |
| Kế hoạch và triển vọng năm 2013 ..... | <b>48</b> |
| Hoạt động giám sát đối với GD.....    | <b>48</b> |
| Định hướng phát triển .....           | <b>49</b> |

## Quản trị công ty

|   |           |
|---|-----------|
| Hội đồng quản trị.....                    | <b>51</b> |
| Ban kiểm soát.....                        | <b>53</b> |
| Thù lao và lợi ích của HĐQT, BGD và BKS . | <b>53</b> |
| Cổ phần và cổ đông .....                  | <b>54</b> |

## Báo cáo tài chính

|                                  |           |
|----------------------------------|-----------|
| Ý kiến kiểm toán .....           | <b>57</b> |
| Báo cáo tài chính hợp nhất ..... | <b>58</b> |



## Giới thiệu công ty

**Tên giao dịch** : Công ty Cổ phần Bao Bì Dầu Thực Vật  
**Tên tiếng Anh** : Vegetable Oil Packing Joint Stock Company  
**Tên viết tắt** : VMPACK

**Logo** : 

**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh** số 4103001186 ngày 09 tháng 09 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp

**Vốn điều lệ** : 80.000.000.000 đồng

**Vốn đầu tư chủ sở hữu** : 80.000.000.000 đồng

**Địa chỉ** : Lô 6 – 12, Khu F1, Khu Công Nghiệp Tân Thới Hiệp, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

**Số điện thoại** : (08) 35974228 – (08) 35974229

**Số fax** : (08) 35974231

**Website** : [www.vmpack.com](http://www.vmpack.com)

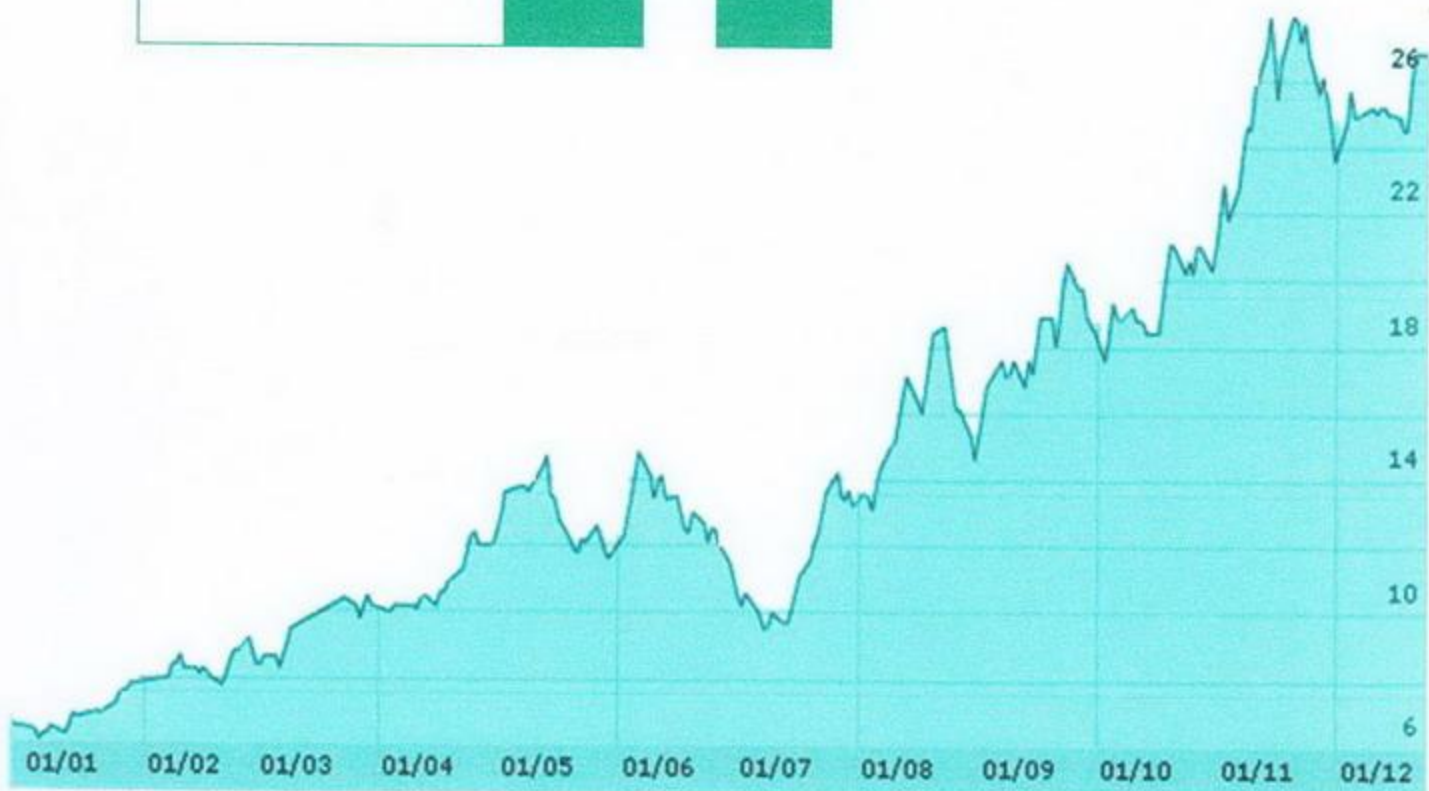
**Email** : [vmpack@vmpack.com](mailto:vmpack@vmpack.com)

**Mã cổ phiếu** : VPK



Giá cổ phiếu

290%



Nguồn: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)



### **Tâm nhìn**

" Thành công không phải đã đến đích, thành công chỉ là bước khởi đầu cho thách thức mới"

Trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành bao bì tại Việt Nam với những sản phẩm chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của khách hàng.

### **Sứ mệnh**

Nâng cao chất lượng sản phẩm đem lại niềm tin cho khách hàng.

VMPACK luôn cam kết mang đến cho xã hội những sản phẩm tốt nhất bằng chính sự tôn trọng, trách nhiệm cao của mình cho xã hội

### **Giá trị cốt lõi**

#### **Tôn trọng**

" Nhu cầu được tôn trọng là nhu cầu cao nhất của con người"

VMPACK luôn tôn trọng người tài, khích lệ người sáng tạo, tri ân người tâm huyết, khen thưởng người đạt kết quả tốt vì sự phát triển bền vững của Công ty.

#### **Hài hòa lợi ích**

" Tất cả cùng chiến thắng, tất cả cùng có lợi"

2  
0  
1  
2

- Công ty vinh dự được chính phủ trao tặng danh hiệu Cờ thi đua cho đơn vị có thành tích xuất sắc
- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ cho Giám đốc điều hành
- Bằng khen Bộ công thương cho 07 cá nhân xuất sắc trong công ty





# Thông tin chung

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

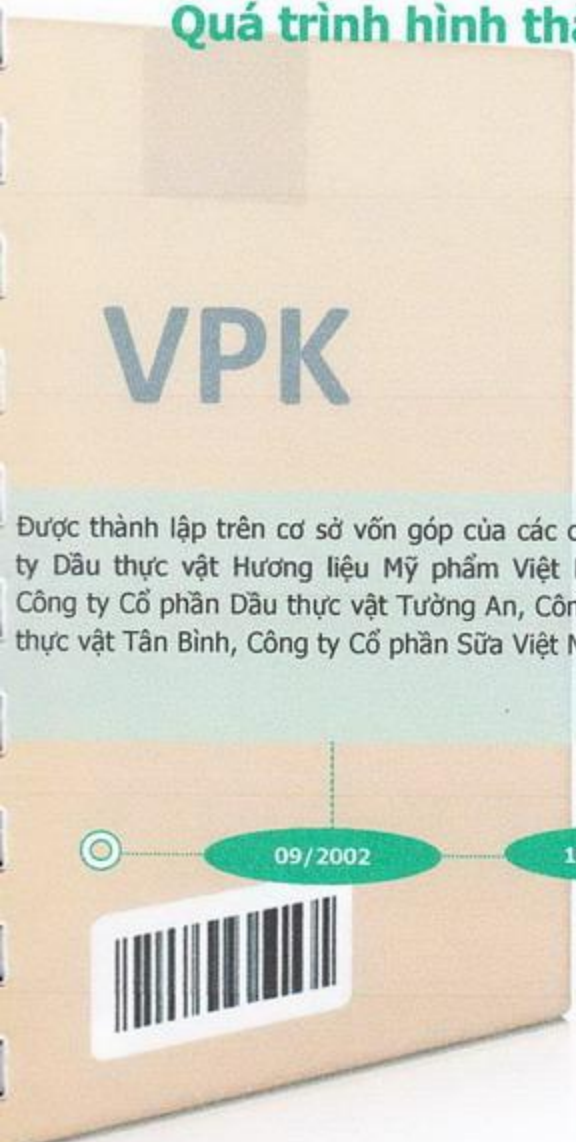
Cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



## Quá trình hình thành và phát triển



Công ty chính thức đi vào hoạt động, với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu 76 tỷ đồng, nhưng thực tế công ty mới huy động được số vốn góp là 45.376.100.000 đồng từ các cổ đông. Đến cuối tháng 09 năm 2006, Công ty hoàn tất việc tăng vốn điều lệ 76 tỷ đồng.

Được thành lập trên cơ sở vốn góp của các cổ đông như Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (Vocarimex), Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An, Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk),...

09/2002

10/2003

1/10/2004

21/12/2006

Chính thức niêm yết và giao dịch phiên đầu tiên (Mã chứng khoán: VPK) tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 77/UBCKNN-GPNY ngày 16 tháng 11 năm 2006 và thông báo số 789/TTGDHCM-NY ngày 07 tháng 12 năm 2006 về việc niêm yết

Công ty tiến hành khởi công xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị.

Công ty đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được đặt ra trong năm với sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế đạt 88,22%. Giá cổ phiếu của công ty đã tăng mạnh nhất thị trường chứng khoán, tăng đến 290% trong cả năm.

Thông qua Đại hội Đồng Cổ Đông về việc phát hành tăng vốn bổ sung vốn điều lệ. Việc phát hành tăng vốn bổ sung thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, với tỷ lệ phân bổ quyền là 19:1. Cuối tháng 10 năm 2009 Công ty đã hoàn tất việc bổ sung vốn điều lệ 80 tỷ đồng.

04/2009

2011

2012

2011 là năm công ty có doanh thu và lợi nhuận cao nhất kể từ khi chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty vinh dự được Bộ trưởng Bộ công thương trao tặng cờ Đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2011.

## Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và mua bán bao bì cho ngành thực phẩm
- Mua bán máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu cho ngành bao bì
- Dịch vụ thương mại
- In bao bì
- Mua bán thực phẩm

*Trong 2 năm gần đây, doanh thu chính của công ty đến từ thùng carton với tỷ trọng doanh thu là 89% và 90%, những sản phẩm còn lại đều chiếm tỷ trọng dưới 10%.*

### Địa bàn kinh doanh

Trong 2 năm công ty chỉ tập trung hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh (chiếm trên 10% tổng doanh số) còn các vùng khác không đáng kể. Hiện nay công ty không thực hiện hoạt động xuất khẩu.

### Các sản phẩm chính



Thùng carton: các loại carton 3 lớp và 5 lớp



Chai pet: các loại 250ml, 500ml, 1l, 2l, 5l



Nắp nút: các loại có kích thước từ  $\Phi$  25 đến  $\Phi$  30

Lợi nhuận sau thuế tăng

**88,22%**

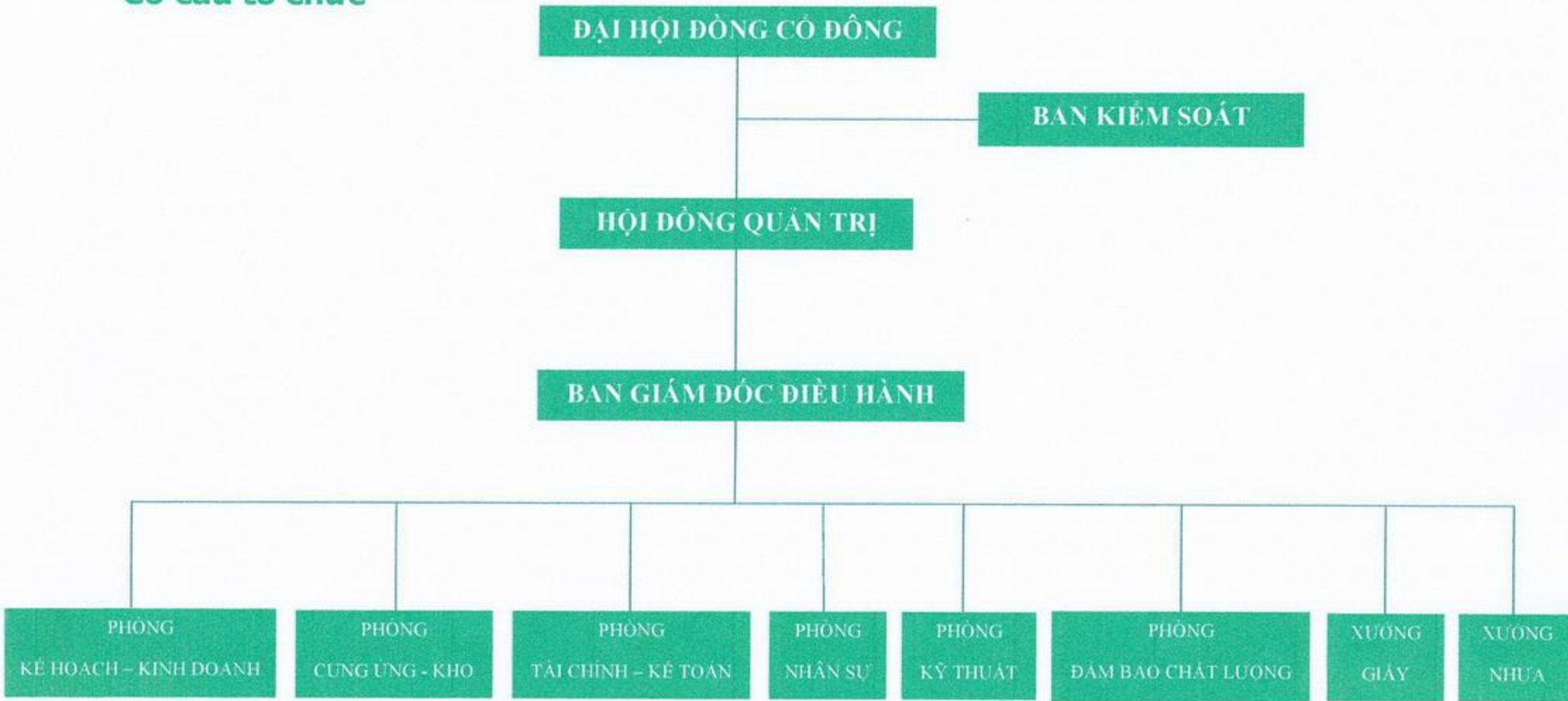
so với năm 2011

Doanh thu tăng

**25,47%**

so với năm 2011

## Cơ cấu tổ chức



Công ty không có công ty con và công ty liên kết

## Định hướng phát triển

Công ty hoạt động luôn đặt mục tiêu hàng đầu là sự phát triển bền vững. Theo đó, sự phát triển của công ty về mặt kinh tế luôn đi cùng với sự phát triển của cộng đồng, xã hội và tác động tích cực đến môi trường sinh thái xung quanh. Sự phát triển hài hòa giữa các mục tiêu chiến lược về kinh tế và môi trường, xã hội sẽ giúp Công ty đạt tăng trưởng và phát triển bền vững, cũng như tạo dựng được mối quan hệ lâu dài với người lao động, khách hàng, nhà đầu tư, đối tác thông qua việc xây dựng hình ảnh tốt đẹp của một doanh nghiệp vì lợi ích chung của cộng đồng và toàn xã hội.



### Mục tiêu về hoạt động

Các mục tiêu chủ yếu của công ty: không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực thế mạnh nhằm tối đa hóa lợi ích cho cổ đông và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động. Đồng thời quan tâm sâu sắc đến môi trường, xã hội.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng nhà máy mới với trang thiết bị hiện đại nhằm phát triển ổn định, bền vững và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Duy trì ổn định, phát triển các sản phẩm hiện có của công ty về chất lượng và sản lượng.
- Nghiên cứu đầu tư mới cho dây chuyền sản xuất thùng giấy, thay thế các khâu thủ công bằng tự động hóa, nhằm giảm thiểu lao động thủ công và giảm tỷ lệ hao hụt trong sản xuất. Không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt cho cán bộ công nhân viên trong đơn vị.
- Áp dụng hiệu quả hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008

## Đôi với môi trường

Công ty hoạt động trên phương châm được đặt lên hàng đầu là phát triển hướng tới sự bền vững. VMPack luôn luôn chủ động tìm kiếm những giải pháp sử dụng tài nguyên hiệu quả, phòng ngừa ô nhiễm, thân thiện với môi trường. Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải và khí thải trong quá trình sản xuất từ năm 2005 và đảm bảo vệ sinh môi trường đáp ứng tốt các yêu cầu của luật môi trường.

Bên cạnh đó, mô hình 5S cũng là một lựa chọn để công ty thực hiện nhiệm vụ ấy. 5S là công cụ nâng cao năng suất chất lượng thông qua việc đảm bảo môi trường làm việc gọn gàng, sạch đẹp, thoáng đãng và tiện lợi. Bắt nguồn từ 5 từ có chữ cái đầu bằng S của các từ tiếng Nhật "SEIRI", "SEITON", "SEISO", "SEIKETSU" và "SHITSUKE".

### SERI (SÀN LỌC)

- Xem xét, phân loại, chọn lựa và loại bỏ những thứ không cần thiết tại nơi làm việc.

### SEITON (SẮP XẾP)

- Bố trí, sắp xếp những thứ cần thiết theo đúng thứ tự.

### SEISO (SẠCH SẼ)

- Giữ gìn vệ sinh tại nơi làm việc, máy móc, thiết bị để đảm bảo môi trường, mỹ quan tại nơi làm việc.

### SEIKETSU (SÀN SÓC)

- Điều kiện làm việc được liên tục duy trì, cải tiến để không có bất kỳ bụi bẩn nào tại nơi làm việc.

### SHITSUKE (SÀN SÀNG)

- Là điều kiện ở đó các thành viên tham gia vào 4S nói trên một cách tự động và tự nguyện, tạo thói quen tự giác tuân thủ nghiêm ngặt các qui định tại nơi làm việc



## Đôi với cộng đồng

Bên cạnh các mục tiêu kinh tế và giải pháp môi trường, việc làm giàu và phát triển cho cộng đồng chính là yếu tố cốt lõi còn lại xây dựng nên sự phát triển bền vững ở VMPack.

Chính sự tăng trưởng kinh tế trong các năm qua đã tạo công việc ổn định cho hơn 200 CBCNV. Đây là mục tiêu đôi với cộng đồng nhỏ của chúng tôi, duy trì và tăng trưởng chất lượng cuộc sống cho anh em trong công ty.

Ngoài ra, Công ty đã ủng hộ kinh phí xây dựng 02 nhà tình nghĩa tại Quận 12 và Gò Vấp, Ủng hộ làm đường tại Quận 12, ủng hộ Quỹ vì người nghèo với tổng số tiền hơn 150 triệu đồng.

Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện thêm nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa hơn nữa để đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương.



Trong năm qua cán bộ công nhân của công ty đã ủng hộ 38 triệu đồng cho gia đình bà Thạch Thị Hồng (hơn 60 tuổi, người dân tộc Khơ-me, ngụ khu phố 11, phường 11, quận Gò Vấp) có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. UBMT Tổ quốc Việt Nam phường 11, quận Gò Vấp đã giúp trích kinh phí từ Quỹ vì người nghèo số tiền 5 triệu đồng, phối hợp công ty đóng góp để sửa chữa toàn bộ và nâng cấp ngôi nhà mục nát cho bà Hồng. Sau nửa tháng thi công, ngày 19/11, ngôi nhà mới khang trang đã được bàn giao cho gia đình bà Hồng.



## Các rủi ro

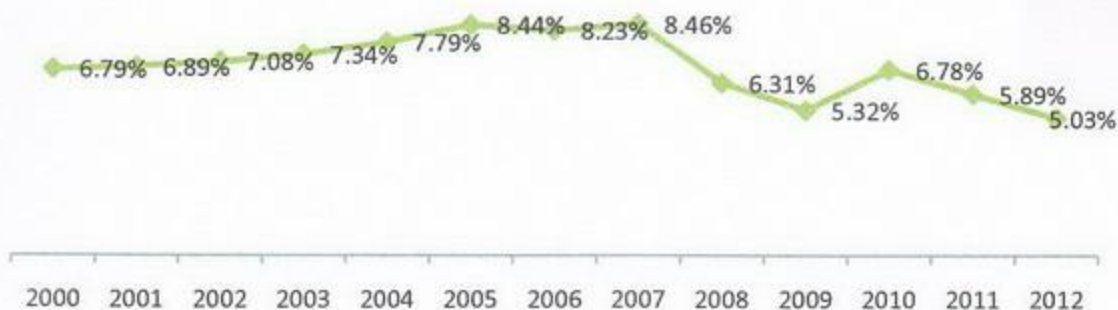
### Rủi ro về kinh tế

Chính sách thắt chặt tiền tệ nhằm kiểm chế lạm phát trong thời gian vừa qua đã làm GDP tăng trưởng thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều ngành sản xuất kinh doanh trong đó có công nghiệp chế biến thực phẩm. Đây là ngành sử dụng nhiều sản phẩm bao bì nhựa và carton, do đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các công ty sản xuất kinh doanh bao bì.

Năm 2012, GDP tăng trưởng ở mức thấp nhất trong 13 năm trở lại đây. Theo công bố Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu 2013(GEF) của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam sẽ có tốc độ tăng trưởng chậm lại ở mức 5,2% trong năm 2013, 5,5% ở năm 2014 do các biện pháp bình ổn. Đến năm 2015, nhờ được hưởng lợi từ giá hàng hóa tăng nên tăng trưởng GDP dự báo sẽ đạt mức 6%. Tuy nhiên cũng theo WB, bốn năm sau khi bùng nổ khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế thế giới vẫn còn rất mong manh và tăng trưởng kinh tế ở các nước thu nhập cao còn rất yếu ớt, vẫn còn đó tiềm ẩn của những cuộc suy thoái khác. Cụ thể như: khủng hoảng nợ Châu Âu diễn biến phức tạp, sự phục hồi chậm chạp của nền kinh tế Mỹ, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản và các nước châu Á đang chậm dần. Điều này có khả năng sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và công ty nói riêng.



Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê

## Rủi ro về biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán



Cổ phiếu công ty có sự thể hiện rất ấn tượng trên thị trường. Nhưng khi công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa theo quan hệ cung cầu trên thị trường và ảnh hưởng bởi các yếu tố: tình hình hoạt động của công ty, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, yếu tố tâm lý của người đầu tư... Do đó, giá cổ phiếu của Công ty sẽ có những biến động khó lường.

## Rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào

Với đặc điểm kinh doanh Công ty thường ký hợp đồng cung cấp bao bì theo từng quý, 6 tháng và từng năm với giá bán xác định trước cho một số khách hàng chủ lực nên VMPack chịu nhiều rủi ro nếu giá nguyên liệu đầu vào tăng. Ngoài ra, sản lượng nội địa hầu như không đáp ứng đủ nhu cầu của ngành, hầu hết các công ty đều phải phụ thuộc vào nguyên liệu giấy, nhựa nhập khẩu, trong khi giá cả trên thị trường thế giới thường cao vào biến động thất thường. Nguyên liệu giấy được sử dụng để sản xuất hộp carton khoảng 40-50% được nhập khẩu từ Thái Lan, Hàn Quốc. Mặc dù trong năm 2012, tỷ giá

đang được duy trì ở mức khá ổn định theo như thông điệp của Ngân Hàng Nhà Nước (trong năm 2012 phá giá VND/USD chỉ từ 2-3%), nhưng hiện nay Công ty đang dùng nguyên liệu đầu vào là hạt nhựa và giấy cuộn nhập từ nước ngoài nên công ty vẫn sẽ chịu rủi ro về tỷ giá. Việc giá trị đồng USD so với VND tăng sẽ gây sức ép làm tăng giá cả hàng hóa nhập khẩu, do đó sẽ tác động đến hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu của Công ty. Chi phí sản xuất như giá vốn hàng hóa sẽ tăng lên, ảnh hưởng đến lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **Rủi ro cạnh tranh và thị trường**

Hiện nay, bao bì nhựa, chai PET và thùng carton ngày càng được sử dụng rộng rãi trong sản xuất do những đặc điểm nổi trội như: độ bền, sự tiện dụng, khả năng vận chuyển tốt, vệ sinh, có khả năng tái chế và thân thiện với môi trường. Tuy nhiên cũng vì lý do đó, số lượng các doanh nghiệp trong ngành ngày càng nhiều, nguồn cung sẽ dồi dào hơn, áp lực tranh giành thị phần và giá sẽ ngày càng trở nên gay gắt.

Bên cạnh đó, lộ trình gia nhập WTO của Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể trong giai đoạn 5 năm vừa qua. Theo đó, môi trường cạnh tranh sẽ khốc liệt hơn về mặt giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm. Các doanh nghiệp trong nước sẽ gặp phải đối đầu với sự cạnh tranh gay gắt từ phía các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại như: Công ty bao bì Tân Á (Singapore), Công ty bao bì Akamax, Công ty bao bì Box.Pak (Malaysia), Công ty Ornapaper Vietnam (Malaysia).

### **Rủi ro khác**

Hỏa hoạn là một trong những rủi ro gây ra thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Đặc thù của công ty thường sử dụng các vật liệu và hàng hóa rất dễ cháy. Tuy nhiên, để hạn chế đến mức tối thiểu các rủi ro có thể có, công ty luôn trang bị đầy đủ hệ thống và các dụng cụ phòng chống cháy nổ, nhân viên công ty luôn đảm bảo nghiêm ngặt các biện pháp an toàn lao động, được tập huấn để có khả năng xử lý cơ bản khi có sự cố xảy ra...Ngoài ra, các rủi ro bất khả kháng khác như thiên tai, chiến tranh, động đất...nếu có xảy ra cũng sẽ gây những thiệt hại cho tình hình sản xuất của công ty.

*Tuy nhiên, trong những rủi ro thách thức ấy, Công ty đã nhìn ra những lợi thế và cơ hội phát triển trong tương lai.*

## **Triển vọng của công ty**

Bên cạnh việc tạo được sự tin cậy về chất lượng sản phẩm; công ty luôn có một nền tảng quản trị bền vững, cán bộ nhân viên luôn có tinh thần trách nhiệm, sự hợp tác, sự đồng bộ cao trong công việc. Bộ máy quản lý và điều hành của Công ty luôn luôn bám sát tình hình, kịp thời có những giải pháp thích hợp ứng phó với thực tiễn thay đổi của thị trường.

Trong những năm gần đây, ngành bao bì carton trong được đánh giá là đang ở trong giai đoạn tăng trưởng, sản lượng tăng ở mức nhanh và trung bình từ 15-20%/năm. So với tăng trưởng bình quân của toàn ngành công nghiệp, đây là mức tăng trưởng cao. Với đặc tính tiện dụng, không gây hại sức khỏe, dễ in ấn và tạo kiểu dáng, và đặc biệt là dễ xử lý và tái sinh bao bì carton ngày càng được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành. Các sản phẩm như bao bì nhựa, chai PET và thùng carton cũng ngày càng được sử dụng rộng rãi do những đặc điểm nổi trội: độ bền, tiện dụng, khả năng vận chuyển tốt, vệ sinh, có khả năng tái chế và thân thiện với môi trường. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sẽ có những điều kiện từ bên trong và bên ngoài thuận lợi để phát triển trong tương lai.



# Tình hình hoạt động trong năm

Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Phân tích tình hình tài chính

## Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh

Cùng với tình hình khó khăn chung của nền kinh tế trong nước và thế giới năm 2012, ngành nhựa-bao bì cũng đang chịu tác động rất tiêu cực. Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp đã phải có những thay đổi quan trọng trong kế hoạch phát triển, đồng thời nỗ lực hết mình để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số doanh nghiệp lớn đã điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp, hoặc phải thu hẹp hoạt động sản xuất hay thậm chí chấp nhận giảm lợi nhuận để duy trì hoạt động và công ăn việc làm cho người lao động. Đối với những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, một số đã chọn giải pháp tạm ngừng hay thậm chí chấm dứt hoạt động. Nhưng với nỗ lực của Ban chỉ đạo, cán bộ công nhân viên và sự tin tưởng của người tiêu dùng và đối tác, VMPack đã đạt được những kết quả rất khả quan. Các chỉ tiêu về doanh số và lợi nhuận đặt ra đầu năm của công ty đều vượt kế hoạch.

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2012

| Chi tiêu (tỷ đồng) | Thực hiện 2012 | Kế hoạch 2012 | Thực hiện 2011 | So với KH 2012 | So với 2011 |
|--------------------|----------------|---------------|----------------|----------------|-------------|
| Doanh thu thuần    | 351,3          | 285           | 279,9          | 123%           | 125%        |
| Lợi nhuận sau thuế | 48,7           | 18            | 25,9           | 271%           | 188%        |
| Tỉ lệ cổ tức       | 20%            | 15%           | 15%            | 5%             | 5%          |

Với 351,3 tỷ đồng doanh thu thuần, công ty đã vượt 23% so với kế hoạch và tăng 125% so với năm 2011. Lợi nhuận sau thuế là 48,7 tỷ đồng vượt 171% so với kế hoạch đề ra và tăng đến 188% so với năm 2011.

Nguyên nhân do việc trữ hàng từ sớm nên đã giúp công ty xác định giá bán hợp lý trong các hợp đồng mua bán được ký sau đó, mặc dù giá giấy nguyên liệu tăng theo xu hướng chung. Hơn nữa, công ty đã quản lý tốt các chi phí, đặc biệt là chi phí tài chính. Khoản chi này giảm đến 52,1% so với năm 2011, chủ yếu đến từ việc tỷ giá, lãi suất ổn định. Từ đầu năm 2012, tỷ giá ngoại hối ổn định, theo định hướng chỉ đạo, công ty đã dự trữ sẵn nguồn nguyên liệu (nhiều gấp 3 lần mức dự trữ của năm 2011) để tận dụng lợi thế chi phí đầu vào thấp. Công ty còn đang trong thời hạn được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012.

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (Đơn vị: đồng)**

| Chỉ tiêu                                      | 2011            | 2012            |
|---|-----------------|-----------------|
| Doanh thu thuần                               | 279.962.870.727 | 351.261.153.593 |
| Giá vốn hàng bán                              | 225.928.629.588 | 268.591.525.019 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 54.034.241.139  | 82.669.628.574  |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh       | 27.041.539.391  | 52.730.333.406  |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế             | 27.334.488.854  | 52.683.768.005  |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp      | 25.884.853.251  | 48.720.900.327  |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                      | 3.236           | 6.091           |

Trong năm công ty không có sự biến động về chiến lược kinh doanh, nguồn cung cấp, thị trường so với năm 2011.



### Kết quả kinh doanh theo sản phẩm

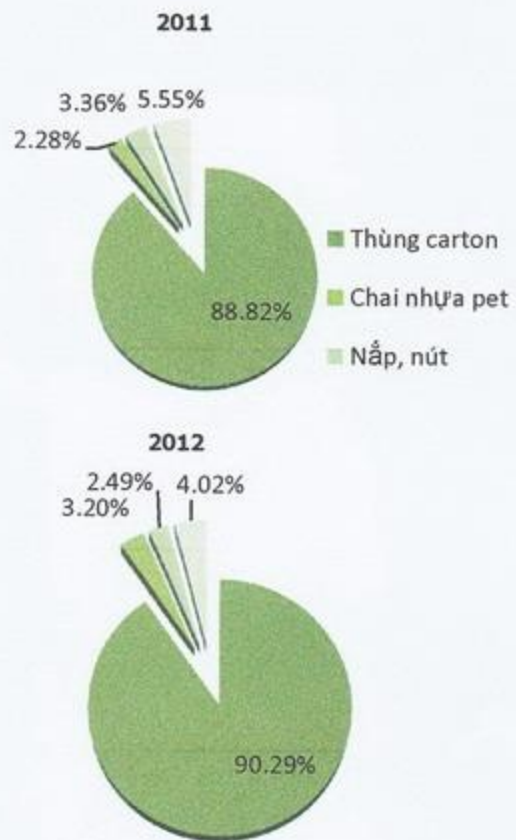
Thùng carton chiếm tỷ trọng cao nhất và ngày càng tăng trong cơ cấu doanh thu theo sản phẩm với 90,29% vào năm 2012, giá trị tuyệt đối 249 tỷ đồng. Theo sau đó là doanh thu từ chai nhựa pet và nắp nút chỉ với 3,2% và 2,49%, doanh thu từ các hoạt động khác chiếm 4,02%. Thùng carton là sản phẩm mang lại lợi nhuận cao nhất cho công ty và đã bù đắp lỗ từ các sản phẩm khác của công ty trong những năm vừa qua.

Hoạt động kinh doanh chai nhựa pet của công ty đang trên đà tích cực. Doanh thu từ hoạt động này trong năm nay tăng đến 76%, đạt mốc 11 tỷ đồng. Vấn đề quản lý chi phí tiến triển theo chiều hướng tốt. Để tạo ra 1 đồng doanh thu từ chai nhựa pet trong năm 2011, công ty đã phải tốn đến 1,2 đồng chi phí, làm cho kết quả kinh doanh từ hoạt động này là -1,3 tỷ đồng. Tuy nhiên đến năm 2012, tỷ số chi phí trên 1 đồng doanh thu giảm xuống còn 0,93 đồng mang lại 803 triệu đồng lợi nhuận gộp cho công ty.



Hoạt động kinh doanh nắp nút của công ty chưa mang lại hiệu quả cao, doanh thu thuần từ sản phẩm này đã giảm 7% trong năm qua.

### Tỷ trọng doanh thu theo sản phẩm



### Kết quả kinh doanh theo sản phẩm



### Lưu chuyển tiền trong năm

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong năm 2012 ở mức ấn tượng là 54,1 tỷ đồng, tăng 226% so với năm 2011 và tiếp tục đóng góp vào sự tăng trưởng 635% lên mức 28,4 tỷ đồng của dòng tiền trong năm. Bằng nguồn tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh, VMPack không những thực hiện được nhu cầu chi tiêu thường xuyên trong năm, mà còn chia lãi, đầu tư tài sản cố định, trả nợ vay. Sự tăng trưởng tốt của dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đã bù đắp cho dòng tiền dùng cho hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.

Dòng tiền trong hoạt động đầu tư được dùng cho việc mua sắm xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác cho việc mở rộng sản xuất. Dòng tiền cho hoạt động đầu tư trong năm cũng tăng 85% lên mức 2 tỷ đồng. Tuy công ty vẫn đang sử dụng nguồn vốn từ các khoản vay, dòng tiền nhận được từ khoản vay là 183 tỷ đồng nhưng công ty hoàn trả lại các khoản vay đã làm cho dòng tiền đi ra từ hoạt động tài chính ở mức khá lớn. Trong năm 2012, công ty đã dùng 195 tỷ đồng trả khoản nợ gốc đã vay và 12 tỷ đồng cho việc trả cổ tức.



## Chi phí

Về giá trị tuyệt đối, để đảm bảo sự tăng trưởng của doanh thu, các chi phí như giá vốn hàng bán, chi phí quản lý, chi phí bán hàng đều tăng.

Hiệu quả quản lý chi phí của công ty được thể hiện rõ qua tỷ số các chi phí chủ yếu trên 1 đồng doanh thu. Các tỷ số này đều giảm dần ngoại trừ sự tăng nhẹ trong chỉ số của chi phí bán hàng. Trong các chi phí chủ yếu của công ty, chi phí tài chính giữ một phần không đáng kể trên 1 đồng doanh thu. Chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay, nhưng vì công ty đang sử dụng ít dần nợ nên chi phí này càng chiếm tỷ trọng nhỏ hơn. Năm 2012, chỉ 0,011 đồng chi phí tài chính trên 1 đồng doanh thu. Chi phí tài chính thấp đảm bảo cho hoạt động của công ty được an toàn, vì đây là chi phí cố định.

Trong năm nay nhờ sử dụng nguồn hàng tồn kho từ năm 2011 nên chi phí vốn hàng hóa được giảm đi đáng kể. Bên cạnh đó, nhờ lợi thế giá bột nhựa năm nay thấp hơn năm ngoái nên đã phần nào bù đắp được sự tăng lên của giá điện và giá xăng.

Một xu thế trong giai đoạn này đã thể hiện hiệu quả quản lý vốn hàng hóa của công ty ngày càng được cải thiện.



## Tổ chức và nhân sự

### **Ban điều hành**

Trong nhiệm kỳ, công ty có 3 thành viên trong ban điều hành và không có sự thay đổi:

#### **1. Ông LÊ HOÀNG VŨ – Giám đốc**

- Họ và tên : Lê Hoàng Vũ
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 26/05/1958
- Nơi sinh : Tp.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Nguyên quán : Tp.HCM
- Địa chỉ thường trú : 28/1 Quang Trung, Phường 11, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.35974228
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí
- Chuyên ngành : Quản lý
- Quá trình công tác:
  - 1978-1982 : Bộ đội-cấp bậc Trung sĩ - đơn vị: A12, phòng 3, Sư đoàn 477, Quân Khu 7.
  - 1984-1989 : Sinh viên khoa Cơ khí – Trường ĐH Bách Khoa Tp.HCM.
  - 1989-1993 : Xí nghiệp sản xuất thiếc-XNLH Trục vớt cứu hộ (VISAL) - Trưởng phòng Kỹ thuật - Kế hoạch.
  - 1996-2001 : Cty Dầu Ăn Golden Hope Nhà Bè – Trưởng phòng kỹ thuật.
  - 2001-2002 : Tập đoàn Daso - Kỹ sư quản lý dự án.  
Cty TNHH Hưng Đạo – Phó Giám đốc.
  - 2003-2005 : Cty GEA Tuchenhausen Singapore - Tập đoàn GEA Germany- Chuyên gia hiện trường.
  - 2006-2009 : Cty CP Bao Bì Dầu Thực Vật – Phó Giám đốc
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Giám đốc.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có.
- Tỷ lệ sở hữu : 0,132%

## 2. Ông NGUYỄN XUÂN THÙY – Phó Giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Xuân Thủy
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/10/1977
- Nơi sinh : Tp. Vũng Tàu – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Nguyên quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : 36/20 Cù Lao, Phường 02, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.35974228
- Trình độ chuyên môn : Kinh tế đối ngoại (cử nhân) – Ngoại ngữ (cử nhân),  
Kinh tế phát triển (thạc sĩ)
- Chuyên ngành : Quản lý
- Quá trình công tác:
  - 1995-2000 : Học ĐH Ngoại thương, cơ sở II, Tp.HCM, ngành Kinh tế đối ngoại (cử nhân)
  - 1998-2001 : Học ĐH Ngoại ngữ Hà Nội, cơ sở 81 Trần Đình Xu, Quận 1, Tp.HCM, ngành Anh văn (cử nhân)
  - 2003-2006 : Học ĐH Kinh tế Tp.HCM, chương trình cao học Kinh tế phát triển (thạc sĩ).
  - 4/2000-8/2008 : Cán bộ nghiệp vụ ngoại thương, Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex).
  - 9/2008-9/2009 : Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu thực vật (VOT JSC).
  - 10/2009 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có.
- Tỷ lệ sở hữu : 0%

### 3. Ông HOÀNG BÁ CHINH – Kế toán trưởng

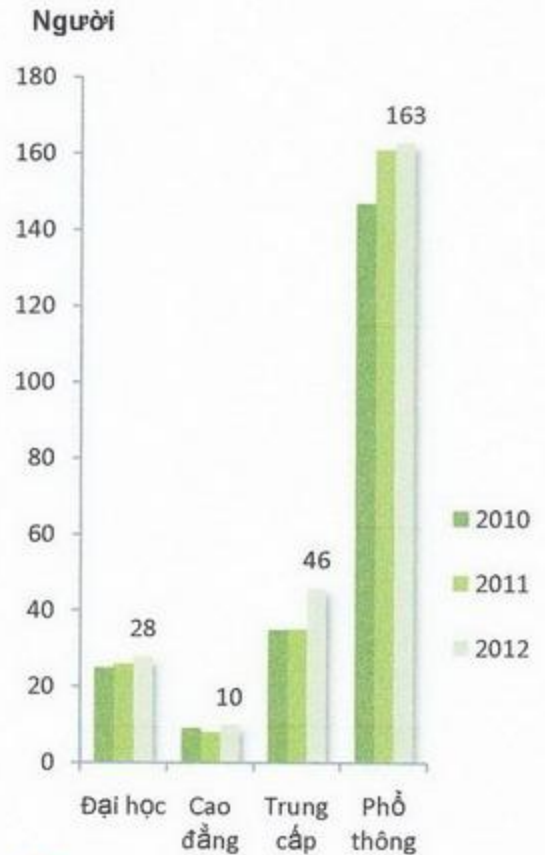
- Họ và tên : Hoàng Bá Chinh
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/11/1977
- Nơi sinh : Huyện Đông Hưng – Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Nguyên quán : Đông Hưng, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 01 tổ 73, KP3, Phường Trung Mỹ Tây, Q.12, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.35974228
- Trình độ chuyên môn (cử nhân) : Tín dụng – ngân hàng (cử nhân) – Kế toán-Kiểm toán
- Chuyên ngành : Quản lý
- Quá trình công tác
  - 1995-1999 : Học đại học Ngành tín dụng – Ngân hàng (cử nhân)
  - 1999-2000 : Học Kế toán trưởng ĐH Kinh tế , Tp.HCM (chứng nhận)
  - 2008-2011 : Học ĐH Kinh tế Tp.HCM, Ngành Kế toán – Kiểm toán (cử nhân).
  - 2000-2011 : Học hoàn thiện các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ: B Anh Văn- Vi tính, kiểm toán viên chuyên nghiệp, Xuất nhập khẩu và Hải quan, Giám đốc tài chính.
  - 2000-2004 : Kế toán Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Hoàng Hải.
  - 2005 đến nay : Kế toán Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có.
- Tỷ lệ sở hữu : 0%

## Cán bộ, nhân viên

Trong năm 2012, mặc dù nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn về mọi mặt, hơn 55.000 doanh nghiệp phải đóng cửa, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao nhưng công ty vẫn giữ được việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Đặc biệt, công ty rất chú trọng đến công tác tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phù hợp, để đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao về trình độ kỹ thuật, sản xuất và kinh doanh. Ngoài ra, các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo nâng cao trình độ luôn được công ty đặt lên hàng đầu.

Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần bao bì Dầu Thực Vật là 247 người. Trong đó:

|                    |                        |
|--------------------|------------------------|
| Trình độ đại học   | : 28 người, chiếm 11%  |
| Trình độ cao đẳng  | : 10 người, chiếm 4%   |
| Trình độ trung cấp | : 46 người, chiếm 19%  |
| Trình độ phổ thông | : 163 người, chiếm 66% |



Số lượng lao động của công ty không ngừng tăng lên qua các năm. Bên cạnh việc tăng lên về số lượng, chất lượng nguồn lao động cũng tăng lên đáng kể, thể hiện qua sự tăng lên của năng suất lao động. Trung bình, một lao động của VMPack tạo ra 1,42 tỷ đồng doanh thu cho công ty trong năm 2012. Nguồn lao động có chất lượng là yếu tố nội tại quan trọng đảm bảo cho sự phát triển bền vững của công ty trong tương lai.



### Chính sách người lao động

Đối với VMPack, nguồn lao động là nguồn lực vô cùng quý giá. Điều này luôn được Công ty thể hiện thông qua các chế độ, chính sách, ưu đãi chăm lo cho người lao động. Bên cạnh những chính sách theo quy định của Nhà Nước, chúng tôi còn chủ trương áp dụng các chính sách riêng khác, mang đến lợi ích cho người lao động, được quy định cụ thể với người lao động

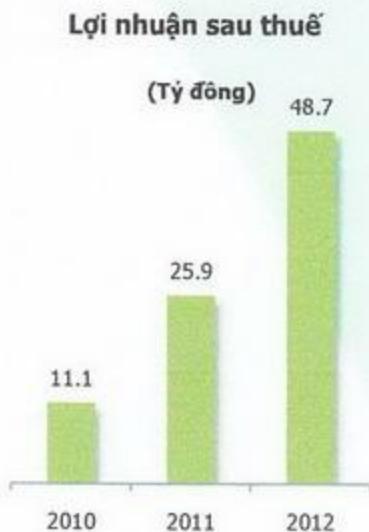
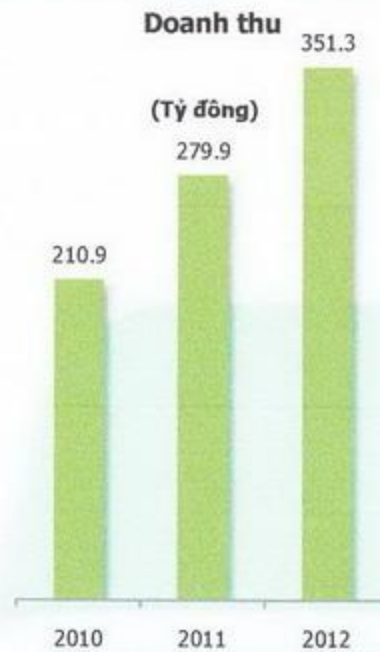
- Đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập của người lao động. Thu nhập bình quân trên 5.500.000 đồng/người/tháng.
- Thời gian làm việc của công nhân được Công ty bố trí hợp lý, bình quân 44 giờ/tuần (lao động gián tiếp), 48 giờ/tuần (lao động trực tiếp). Công nhân được phục vụ suất ăn giữa ca đảm bảo chất lượng, đầy đủ dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Hệ thống nước sạch phục vụ sinh hoạt, vệ sinh đầy đủ, an toàn cho cán bộ công nhân viên. Thành lập phòng y tế cho nhà máy để khám chữa bệnh thông thường cho cán bộ công nhân viên. Từ lúc công ty được thành lập đến nay chưa xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm.
- Định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ công nhân viên Công ty.
- Trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, bảo hộ lao động, đồng phục văn phòng ..., tạo điều kiện tốt nhất để người lao động an tâm sản xuất. Thực hiện đầy đủ các chế độ; hợp đồng lao động; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; trợ cấp thôi việc...
- Thực hiện khen thưởng hàng năm, khen thưởng đột xuất và tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham quan nghỉ mát các ngày lễ.

**Tình hình đầu tư thực hiện các dự án**

Các khoản đầu tư lớn: không có

Các công ty con, công ty liên kết: không có

**Tình hình tài chính**





## Phân tích tình hình tài chính

Tính đến thời điểm này, tổng giá trị tài sản của công ty là 187 tỷ đồng. Tổng tài sản của công ty tăng trưởng cùng với sự mở rộng trong hoạt động sản xuất là điều tất yếu trong quá trình phát triển. So với năm 2011, tốc độ tăng trưởng của tài sản chỉ ở mức 0,2% vì có sự giảm xuống đối với khoản tài sản dài hạn, thì năm 2012 lên đến 20% chủ yếu đến từ việc tăng lên tài sản ngắn hạn.

Mức tăng trưởng từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty trung bình tăng 90% so với năm trước. Đây là mức tăng kỷ lục từ lúc công ty chính thức đi vào hoạt động

| Tỷ đồng                           | 2011  | 2012  | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-------|-------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 155,8 | 186,9 | 20,0%       |
| <i>Doanh thu thuần</i>            | 279,9 | 351,3 | 53,0%       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 26,9  | 52,7  | 95,9%       |
| Lợi nhuận khác                    | 292,9 | -46,6 | -115,9%     |
| Lợi nhuận trước thuế              | 27,3  | 52,7  | 92,7%       |
| <i>Lợi nhuận sau thuế</i>         | 25,9  | 48,7  | 88,2%       |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | 15%   | 20%   |             |

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Hầu hết các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của VMPack đều ở mức tốt và tăng trưởng tích cực qua các năm, thể hiện sự ổn định và bền vững về tình hình tài chính của công ty.

| Chỉ tiêu                              | Đơn vị | 2010 | 2011 | 2012 |
|---------------------------------------|--------|------|------|------|
| <b>1 Khả năng thanh toán (lần)</b>    |        |      |      |      |
| - Khả năng thanh toán nhanh           | lần    | 0,4  | 0,7  | 1,5  |
| - Khả năng thanh toán hiện hành       | lần    | 0,8  | 1,3  | 2,2  |
| <b>2 Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>     |        |      |      |      |
| - TSLN sau thuế/Tổng tài sản          | %      | 7,1  | 16,6 | 26,1 |
| - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần       | %      | 5,3  | 9,2  | 13,9 |
| - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu  | %      | 14,8 | 25,6 | 35,6 |
| - Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần   | %      | 5,7  | 9,7  | 15,0 |
| <b>3 Vòng quay hoạt động (vòng)</b>   |        |      |      |      |
| - Vòng quay HTK                       | Vòng   | 5,9  | 6,7  | 8,0  |
| - Vòng quay khoảng phải thu           | Vòng   | 10,6 | 12,5 | 11,6 |
| - Vòng quay Tài sản                   | Vòng   | 1,4  | 1,8  | 2,0  |
| <b>4 Cơ cấu nguồn vốn</b>             |        |      |      |      |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn          |        | 0,52 | 0,35 | 0,27 |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn |        | 0,48 | 0,65 | 0,73 |
| - Nợ/Vốn chủ sở hữu                   |        | 1,07 | 0,54 | 0,36 |

*Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*

Khả năng thanh toán của công ty đang được cải thiện tốt qua các năm với sự gia tăng trong các chỉ số khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh. Từ mức có khả năng chịu rủi ro về khả năng thanh toán ngắn hạn trong năm 2010, đến năm 2012, chỉ số này đã tăng gần gấp ba, lên mức 2,2. Nếu loại trừ hàng tồn kho thì 1 đồng nợ ngắn hạn của công ty vẫn được đảm bảo bởi 1,5 đồng tài sản ngắn hạn. Do sử dụng vốn vay ở mức thấp nên khả năng thanh toán của Công ty có những dấu hiệu tiến triển rất tích cực trong thời gian qua.

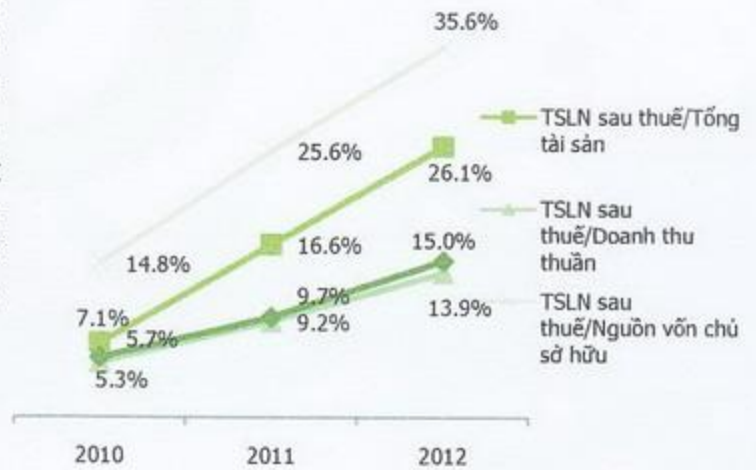
**Khả năng thanh toán**



*Chỉ tiêu về khả năng sinh lời*

Từ năm 2010 đến nay, Công ty đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ về hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các chỉ số về khả năng sinh lời của công ty đều tăng lên đáng kể. Năm 2012 là năm công ty dự trữ được một lượng lớn nguyên vật liệu giá rẻ, giúp giảm đáng kể chi phí giá thành do đó các chỉ tiêu sinh lợi của năm nay đều tốt hơn năm trước. Đồng thời, các

**Tỷ suất lợi nhuận**



*Chi tiêu về năng lực hoạt động*

Các chỉ số về quản lý tài sản bao gồm hàng tồn kho, khoản phải thu của công ty đang ở mức tốt, với sự tăng dần qua các năm. Tổng quan nền kinh tế hiện nay đang ở thời điểm không thuận lợi nhưng công ty vẫn đảm bảo việc quản lý tốt hàng tồn kho và hạn chế rủi ro từ các khoản phải thu là dấu hiệu sự phát triển bền vững của công ty. Với hệ thống phân phối rộng đồng thời khả năng chủ động trong việc thu mua, dự trữ nguyên vật liệu đã giúp công ty kiểm soát được tồn kho và lượng hàng bán ra thị trường mỗi năm.

Công ty luôn cố gắng duy trì mức tăng trưởng doanh thu cao điều này đã giúp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản trong các năm qua. Mặc dù có sự giảm sút nhẹ trong chỉ số vòng quay khoản phải thu từ 12,5 năm 2011 xuống còn 11,6 năm 2012 nhưng đây không phải là điều đáng lo ngại. Bởi điều đó không đến từ việc giảm hiệu quả thu hồi khoản phải thu của công ty mà đến từ việc nới lỏng chính sách của công ty đối với khách hàng. Trong hoàn cảnh có sự giảm sút về lực cầu của nền kinh tế, chính sách này sẽ tạo động lực cho việc mua hàng, bằng chứng là doanh thu công ty vẫn tăng trưởng ổn định qua các năm.

**Vòng quay hoạt động**



*Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn:*

Năm 2012, nguồn vốn chủ sở hữu của công ty vẫn duy trì ở mức tăng trưởng tốt, tăng 35,6% trong năm 2012 lên mức 137 tỷ đồng. Trong 2 năm vừa qua công ty gần như không sử dụng nguồn vốn vay dài hạn. Chủ yếu dùng vốn vay ngắn hạn, nguồn nội lực của từ vốn tự có, vận dụng vốn lưu động và tranh thủ nguồn vốn từ các nguồn phải trả nhà cung cấp... để luân chuyển vốn kinh doanh. Và điều này đã mang về hiệu quả cho công ty trong 2 năm vừa qua.





# BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá tổng quan

Những tiến bộ công ty đạt được

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong năm tài chính vừa qua, mặc dù nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang còn trong giai đoạn khủng hoảng nhưng Ban Giám đốc đã nỗ lực điều hành linh hoạt và triển khai nhiều biện pháp tối ưu hóa nhằm ổn định sản xuất kinh doanh, kiểm soát và tiết giảm chi phí, phát triển nguồn nhân lực:



- Xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho từng nhóm sản phẩm.
- Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý.
- Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên trong công ty.
- Giám sát và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của từng phòng ban trong công ty theo định kỳ hàng tuần hàng tháng, hàng quý, năm thông qua việc kiểm soát các mục tiêu ưu tiên, các kế hoạch hành động.
- Tập trung khai thác những mặt hàng có tỷ lệ lợi nhuận cao.
- Xây dựng dự báo bán hàng, kế hoạch sản xuất phù hợp, xây dựng mức tồn kho hợp lý, chặt chẽ nhằm tối ưu hóa nhu cầu vay ngắn hạn.
- Cơ cấu các khoản vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn giữa VND và USD nhằm tiết giảm chi phí tài chính hợp lý và giảm thiểu rủi ro về biến động tỷ giá USD và lãi suất.

Bằng những nỗ lực ấy, công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đặt ra trong năm nay.

| Chỉ tiêu (tỷ đồng) | Thực hiện 2012 | Kế hoạch 2012 | Thực hiện 2011 | So với KH 2012 | So với 2011 |
|--------------------|----------------|---------------|----------------|----------------|-------------|
| Doanh thu thuần    | 351,3          | 285           | 279,9          | 123%           | 125%        |
| Lợi nhuận sau thuế | 48,7           | 18            | 25,9           | 271%           | 188%        |
| Tỉ lệ cổ tức       | 20%            | 15%           | 15%            | 5%             | 5%          |

Với 351,3 tỷ đồng doanh thu thuần, công ty đã đạt 123% so với kế hoạch và tăng 125% so với năm 2011. Lợi nhuận sau thuế là 48,7 tỷ đồng đạt 271% so với kế hoạch đề ra và tăng đến 188% so với năm 2011.

Mặc dù giá giấy nguyên liệu tăng theo xu hướng chung, nhưng việc trữ hàng từ sớm đã giúp công ty xác định giá bán hợp lý trong các hợp đồng mua bán được ký sau đó. Hơn nữa, công ty đã thực hiện tốt việc quản lý chi phí, đặc biệt là chi phí tài chính. Chi phí này giảm đến 52% so với năm 2011, chủ yếu đến từ việc tỷ giá, lãi suất ổn định. Từ đầu năm 2012, ngoài việc tỷ giá ngoại hối ổn định, công ty đã

dự trữ sẵn nguồn nguyên liệu (nhiều gấp 3 lần mức dự trữ của năm 2011) giúp tận dụng lợi thế chi phí đầu vào thấp. Thêm vào đó Công ty còn được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012. Có thể nói rằng trong năm qua công ty đã có được nhiều lợi thế trong hoạt động đến từ những cơ hội bên ngoài và định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo công ty.

*Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012*

| <i>Đơn vị: VND</i>                              | 2011            | 2012            |
|---|-----------------|-----------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 280.003.817.347 | 351.957.512.174 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 40.946.620      | 696.358.581     |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 279.962.870.727 | 351.261.153.593 |
| Giá vốn hàng bán                                | 225.928.629.588 | 268.591.525.019 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 54.034.241.139  | 82.669.628.574  |
| Doanh thu hoạt động tài chính                   | 122.351.196     | 505.597.462     |
| Chi phí tài chính                               | 8.418.736.152   | 4.030.561.598   |
| Chi phí bán hàng                                | 7.823.968.463   | 13.208.127.408  |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 10.872.348.329  | 13.206.203.624  |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 27.041.539.391  | 52.730.333.406  |
| Thu nhập khác                                   | 427.934.291     | 220.792.148     |
| Chi phí khác                                    | 134.984.828     | 267.357.549     |
| Lợi nhuận khác                                  | 292.949.463     | -46.565.401     |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               | 27.334.488.854  | 52.683.768.005  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                      | 1.449.635.603   | 3.962.867.678   |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp        | 25.884.853.251  | 48.720.900.327  |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 3,236           | 6,091           |

*Bảng cân đối kế toán*

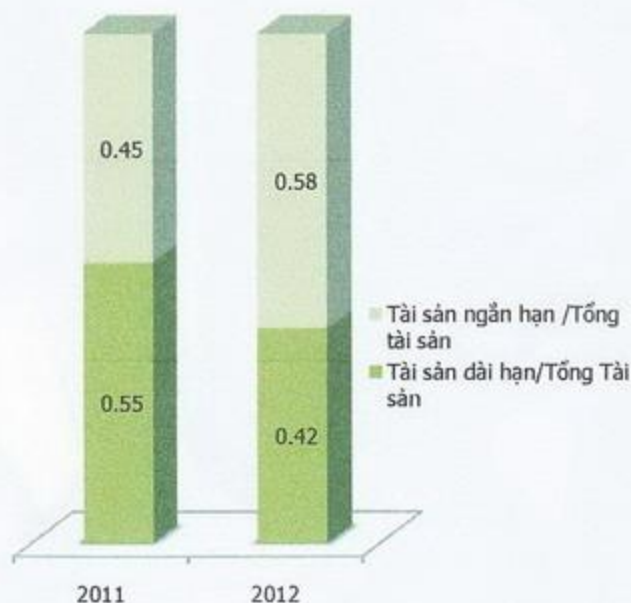
| Khoản mục                           | 2011            | 2012            |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>             | 70.035.205.490  | 108.046.188.022 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền  | 10.847.289.900  | 39.239.076.641  |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | -               | -               |
| Các khoản phải thu                  | 24.778.355.107  | 35.597.405.084  |
| Hàng tồn kho                        | 34.138.772.332  | 33.026.868.797  |
| Tài sản ngắn hạn khác               | 270.788.151     | 182.837.500     |
| <b>Tài sản dài hạn</b>              | 85.732.338.520  | 78.929.723.982  |
| Tài sản cố định                     | 85.676.888.982  | 78.899.797.318  |
| - Tài sản cố định hữu hình          | 78.719.137.434  | 72.266.625.382  |
| - Tài sản cố định vô hình           | 6.957.751.548   | 6.633.171.936   |
| - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang   | -               | 0               |
| Tài sản dài hạn khác                | 55.449.538      | 29.926.664      |
| <b>Tổng tài sản</b>                 | 155.767.544.010 | 186.975.912.004 |
| <b>Nợ phải trả</b>                  | 54.765.017.131  | 49.974.199.465  |
| Nợ ngắn hạn                         | 54.716.604.983  | 49.974.199.465  |
| Nợ dài hạn                          | 48.412.148      | -               |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>               | 101.002.526.879 | 155.767.544.010 |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu         | 80.000.000.000  | 80.000.000.000  |
| - Thặng dư vốn cổ phần              | 493.885.000     | 493.885.000     |
| - Cổ phiếu quỹ                      | -6.831.972      | -6.831.972      |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 20.515.473.851  | 53.466.013.236  |
| <b>Tổng nguồn vốn</b>               | 155.767.544.010 | 205.741.743.475 |



### Cơ cấu tài sản

Doanh thu tăng cao kéo theo khoản phải thu khách hàng tăng 48% so với năm trước, kèm theo khoản tăng mạnh 261,7% của lượng tiền và các khoản tương đương tiền làm tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong cơ cấu tài sản của công ty từ 45% lên 58%. Việc dịch chuyển này vẫn nằm trong sự hoạt động bình thường của công ty. Trong năm công ty có đầu tư 2,2 tỷ đồng cho việc mua sắm mới tài sản mới nhưng việc ghi nhận khấu hao với tốc độ cao hơn tốc độ tăng của tài sản nên đã làm cho giá trị của tài sản cố định công ty giảm 7,6% so với 2011.

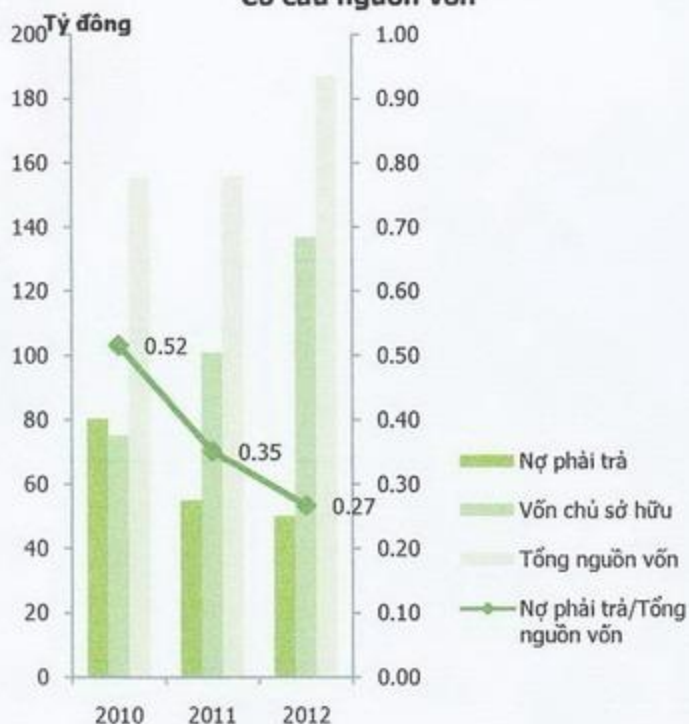
Cơ cấu tài sản



### Cơ cấu vốn

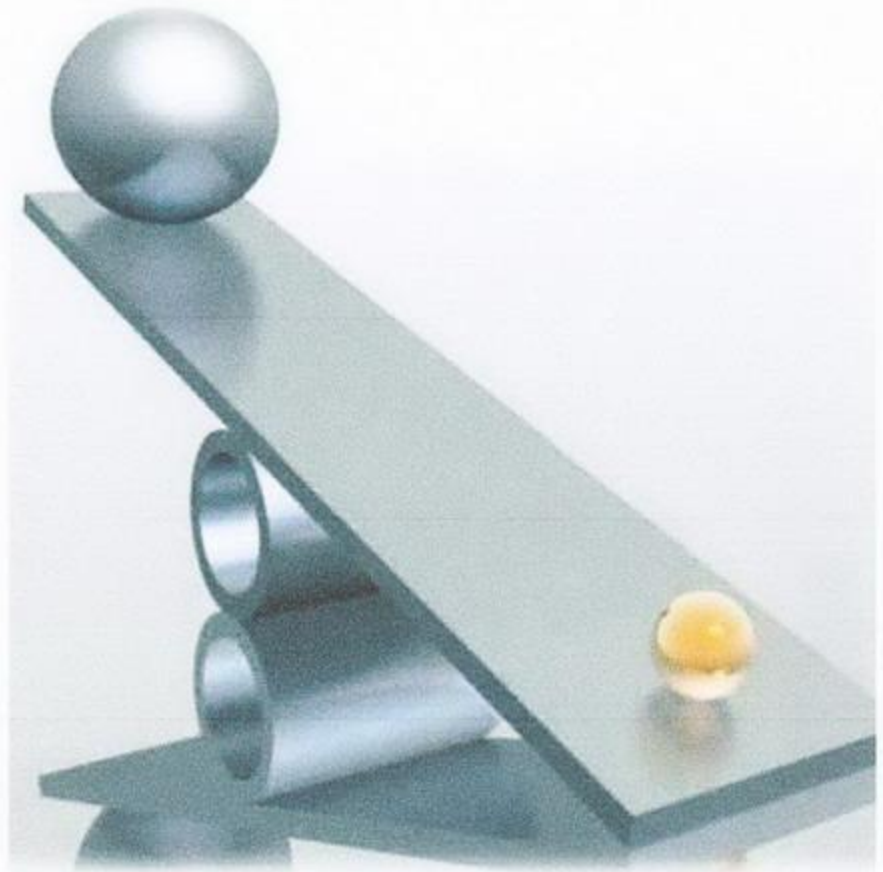
Năm 2012, nguồn vốn chủ sở hữu của công ty vẫn duy trì ở mức tăng trưởng tốt, tăng 35,6% so với 2011 lên mức 137 tỷ đồng. Trong 2 năm vừa qua công ty gần như không sử dụng nguồn vốn vay dài hạn, nguồn lực chủ yếu đến việc dùng vốn vay ngắn hạn, nguồn nội lực của từ vốn tự có, vận dụng vốn lưu động... để luân chuyển vốn kinh doanh. Và điều này đã mang về nhiều kết quả tích cực cho công ty. Tỷ lệ nợ trên tổng nguồn vốn của công ty giảm dần qua các năm. Từ mức 0,52 năm 2010, trong khi đó đến năm 2012 chỉ còn 0,27 trên tổng nguồn vốn, cho thấy cơ cấu tài sản của công ty rất an toàn. Trong tương lai, với xu thế giảm lãi suất hiện nay, Công ty sẽ dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn với lãi suất tốt để phục vụ cho việc sản xuất.

Cơ cấu nguồn vốn



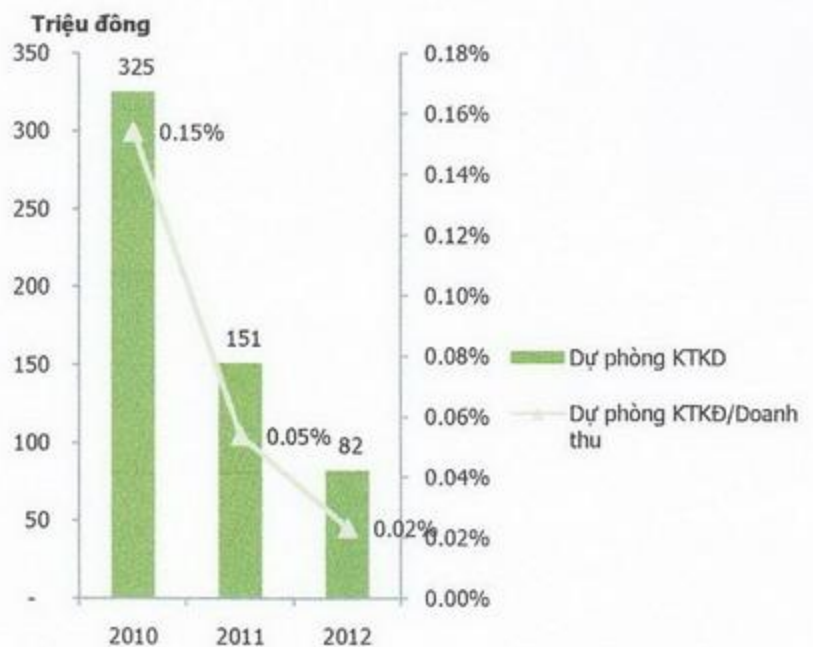
### Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Để đáp ứng cho nhu cầu phát triển của công ty, hiện tại VMPack đang sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng. Công ty đã hoàn thành việc trả các khoản vay dài hạn, hiện tại chỉ vay ngắn hạn 19,8 tỷ đồng. Nếu lãi suất tăng cao sẽ gây áp lực cho công ty trong việc trả lãi vay và làm giảm kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, trong năm 2013, lãi suất dự báo sẽ được Ngân hàng nhà nước điều hành ổn định trong xu hướng giảm. Do đó, rủi ro về lãi suất của công ty là không đáng kể và sẽ giảm xuống theo xu hướng đó.



### Tình hình nợ xấu phải thu

Tình hình nợ xấu phải thu của công ty được thể hiện qua dự phòng các khoản thu khó đòi. Trong năm 2012, dự phòng thu khó đòi của công ty ở mức 82,4 triệu, giảm 45% so với 151 triệu trong năm 2011 và chỉ dự phòng cho các khoản thu ngắn hạn khó đòi. Doanh của công ty không ngừng tăng qua các năm nhưng công tác quản lý, thu hồi nợ tốt đã làm tỷ lệ dự phòng nợ khó đòi/Doanh thu giảm đáng kể, chỉ còn 0,02% vào năm 2012. Vì vậy rủi ro nợ xấu của công ty là không đáng kể.

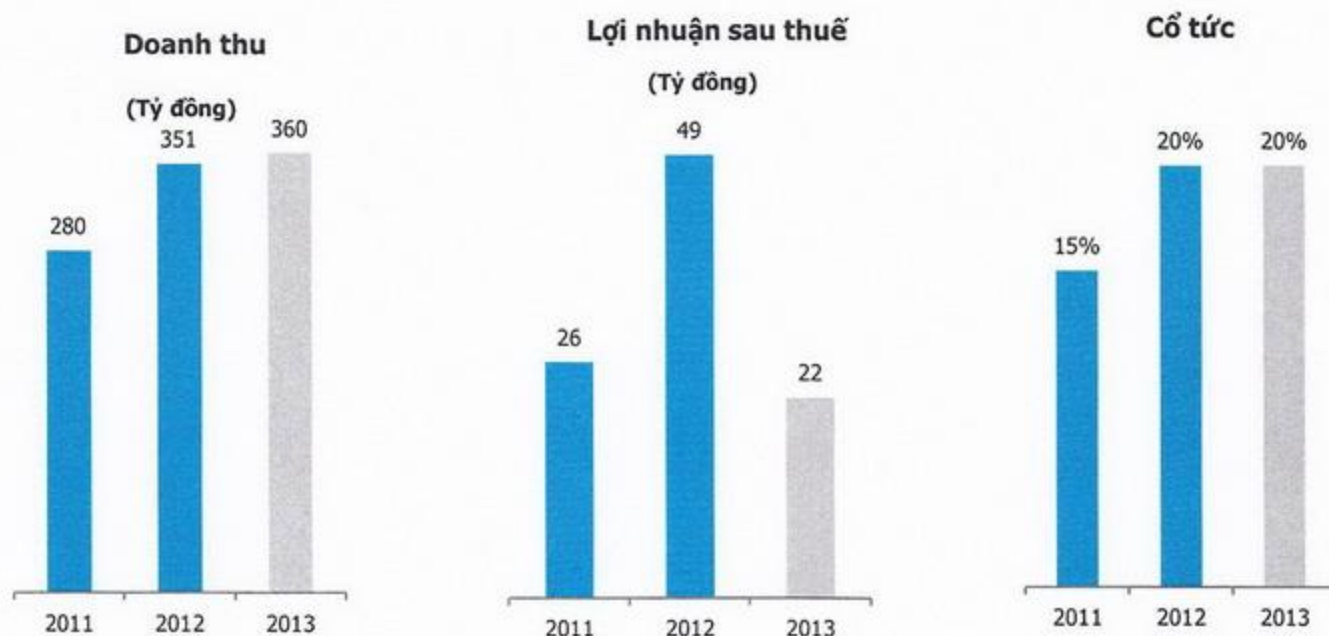


## Những tiến bộ công ty đạt được

- Trong năm 2012, Ban Giám đốc đã tiếp tục cơ cấu lại bộ máy nhân sự tinh gọn hơn, phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh hiện tại của công ty.
- Bám sát các mục tiêu nhiệm vụ để thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 và của Hội đồng Quản trị.
- Hệ thống và quy trình hóa công tác báo cáo của các phòng ban để nguồn thông tin, dữ liệu được chính xác và kịp thời.
- Áp dụng thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Ban hành định mức nguyên vật liệu để giảm chi phí giá thành sản phẩm.
- Có chiến lược hoạch định tồn kho phù hợp với từng chu kỳ sản xuất kinh doanh.
- Sử dụng vốn hiệu quả, đúng mục đích.

## Kế hoạch phát triển trong tương lai

### Kế hoạch năm 2013







# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm  
Kế hoạch và triển vọng năm 2013

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc  
Định hướng phát triển

## Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Mặc dù có những cải thiện đáng kể so với năm 2011, nhưng nền kinh tế vĩ mô trong năm 2012 vẫn còn tồn tại rất nhiều khó khăn thử thách cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn trên trong năm 2012 công ty có một số thuận lợi như: Nhà Nước miễn giảm 30% thuế TNDN phải nộp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, gia hạn thời gian tạm nộp thuế TNDN. Đặc biệt nguồn nguyên liệu chính giấy cuộn tương đối ổn định, sự chỉ đạo kịp thời, định hướng đúng đắn của Hội đồng Quản trị, sự đồng thuận cao trong ban lãnh đạo và nỗ lực cố

gắng phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân viên. Công ty triển khai nhiều giải pháp có hiệu quả nhằm ổn định sản xuất kinh doanh, tăng sản lượng giảm chi phí. Do đó năm 2012 là năm công ty đạt doanh thu và lợi nhuận xuất sắc so với những năm trước và so với kế hoạch được đặt ra. Năm 2012 Công ty vinh dự được chính phủ trao tặng danh hiệu Cờ thi đua, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ cho ông Lê Hoàng Vũ – Giám đốc điều hành và bằng khen Bộ công thương cho 07 cá nhân xuất sắc trong công ty.

Kết quả kinh doanh cho năm tài chính từ 01/01/2012 đến 31/12/2012 như sau

| Chỉ tiêu (tỷ đồng)                 | Thực hiện năm 2011 | Thực hiện năm 2012 | Thay đổi | % so với năm 2011 |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|----------|-------------------|
| Doanh thu thuần                    | 279,9              | 351,3              | 71,2     | 25%               |
| Lợi nhuận trước thuế               | 27,3               | 52,7               | 25,2     | 93%               |
| Lợi nhuận sau thuế                 | 25,9               | 48,7               | 22,8     | 88%               |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP) | 3.236              | 6.091              | 2.855    |                   |

Doanh thu thuần thực hiện năm 2012 là 351,3tỷ đồng, tăng 25% so với doanh thu thuần thực hiện năm 2011, tương ứng với mức tăng là 71,3tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế năm 2012 là 48,7tỷ đồng, ứng với mức tăng 88% so với thực hiện năm 2011, tương đương tăng 22,8tỷ đồng. Tổng tài sản và nguồn vốn năm 2012 so năm 2011 có sự tăng lên đáng kể so với mức tăng trong năm 2011. Trong năm nay, giá trị tài sản của công ty là 186,9tỷ đồng, giá trị tăng 20% so với năm 2011. Về cơ cấu vốn, nợ phải trả công ty giảm 9% và nguồn vốn chủ sở hữu tăng đến 36% do kinh doanh hiệu quả. Trong năm 2012, Công ty không thực hiện những dự án đầu tư lớn, mà chỉ tập trung khai thác công suất của máy móc thiết bị hiện có và phát triển thị trường cho sản phẩm nhựa và thùng carton.

## Kế hoạch và triển vọng năm 2013



Năm 2013 được dự báo sẽ tiếp tục là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế Việt Nam. Chính phủ Việt Nam vẫn đặt mục tiêu hàng đầu là ổn định vĩ mô, giải quyết tình trạng nợ xấu của nền kinh tế. thực Nhưng nhu cầu của thị trường về sản phẩm bao bì cho ngành thực phẩm trong nước vẫn ở mức tương đối cao. Công ty sẽ tiếp tục tăng cường khai thác khách hàng truyền thống và mở rộng tìm kiếm khách hàng mới để đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty. Kế hoạch về doanh thu năm 2013 là 360 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện năm 2012, lợi nhuận sau thuế 22 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ 20%.

## Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc

- Giám sát Giám đốc trong điều hành đối với việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty.
- Hàng tháng yêu cầu Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng báo cáo hiệu quả kinh doanh.
- Xem xét đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, các giải pháp thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.



**Trong năm qua, Ban giám đốc của công ty đã hoạt động hiệu quả, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được đặt ra.**

*Trong nhiệm kỳ vừa qua Hội đồng Quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm giao phó, có được kết quả này trước tiên nhờ vào sự nỗ lực nhiệt huyết và trí tuệ của từng thành viên Hội đồng Quản trị, cùng với sự nỗ lực không ngừng của Ban điều hành quản lý, toàn thể các anh/chị em nhân viên trong công ty. Hội đồng Quản trị trân trọng cảm ơn Ban điều hành quản lý, các anh/chị em nhân viên trong công ty, các cổ đông, quý khách hàng, cơ quan quản lý... về những đóng góp cho VMPACK nhằm phát triển ổn định và bền vững trong những năm qua.*

## Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của công ty: không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực thế mạnh nhằm mang lại lợi nhuận tối đa cho công ty

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng nhà máy mới với trang thiết bị hiện đại nhằm phát triển ổn định, bền vững và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Duy trì ổn định, phát triển các sản phẩm hiện có của công ty về chất lượng và sản lượng. Phát triển mọi nguồn lực nâng cao năng lực cạnh tranh bằng :
  - Uy tín và thương hiệu.
  - Chất lượng sản phẩm.
  - Sản phẩm đa dạng.
  - Giá thành thấp.
- Nghiên cứu đầu tư chiều sâu cho dây chuyền sản xuất thùng giấy, thay thế các khâu thủ công bằng tự động hóa, nhằm giảm thiểu lao động thủ công và giảm tỷ lệ hao hụt trong sản xuất. Không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt cho cán bộ công nhân viên trong đơn vị.
- Áp dụng hiệu quả hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008







# QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Thù lao và các lợi ích của HĐQT, BGD, BKS

Thông tin cổ phần và cổ đông

## Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

| Stt | Họ và tên             | Chức vụ    |
|-----|-----------------------|------------|
| 1   | Ông: Dương Anh Tuấn   | Chủ tịch   |
| 2   | Ông: Ngô Tuấn         | Thành viên |
| 3   | Ông: Phan Thành Dũng  | Thành viên |
| 4   | Ông: Lê Hoàng Vũ      | Thành viên |
| 5   | Ông: Nguyễn Xuân Thủy | Thành viên |

Trong đó: Ông Lê Hoàng Vũ là Giám đốc điều hành, Ông Nguyễn Xuân Thủy là Phó Giám đốc, còn lại 03 Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không tham gia điều hành.

Từ ngày 03/05/2012, Hội đồng Quản trị bầu ông Dương Anh Tuấn làm chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2008-2013 thay cho ông Đoàn Tấn Nghiệp có đơn từ nhiệm để nghỉ hưu.

Hội đồng Quản trị định kỳ họp nhằm xem xét kết quả sản xuất kinh doanh và đề ra các chính sách kịp thời để phát triển sản xuất, thị trường và các phương án đầu tư. Hội đồng Quản trị luôn hỗ trợ để Ban Giám đốc điều hành đạt hiệu quả cao hơn trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Hội đồng Quản trị luôn có những định hướng, chủ trương kịp thời, kiểm tra giám sát chặt chẽ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



**Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:** Không có

*Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị*

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 20/04/2012

| STT | Thành viên HĐQT       | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------|---------------------|-------|---------|
| 1   | Ông: Đoàn Tấn Nghiệp  | Chủ tịch   | 02                  | 100%  |         |
| 2   | Ông: Dương Anh Tuấn   | Thành viên | 02                  | 100%  |         |
| 3   | Ông: Phan Thành Dũng  | Thành viên | 02                  | 100%  |         |
| 4   | Ông: Ngô Tuấn         | Thành viên | 02                  | 100%  |         |
| 5   | Ông: Nguyễn Xuân Thủy | Thành viên | 02                  | 100%  |         |

Từ ngày 21/04/2012 đến ngày 31/12/2012

| STT | Thành viên HĐQT       | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------|---------------------|-------|---------|
| 1   | Ông: Dương Anh Tuấn   | Chủ tịch   | 05                  | 100%  |         |
| 2   | Ông: Phan Thành Dũng  | Thành viên | 05                  | 100%  |         |
| 3   | Ông: Ngô Tuấn         | Thành viên | 05                  | 100%  |         |
| 4   | Ông: Lê Hoàng Vũ      | Thành viên | 05                  | 100%  |         |
| 5   | Ông: Nguyễn Xuân Thùy | Thành viên | 05                  | 100%  |         |

**Các nghị quyết của HĐQT**

| STT | Số nghị quyết | Ngày       | Nội dung  |
|-----|---------------|------------|---|
| 1   | 192/HĐQT/2012 | 07/03/2012 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả SXKD tháng 1, các giải pháp thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD quý 1/2012 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.</li> <li>- Thông qua một số nội dung, công việc chuẩn bị Đại hội Cổ đông thường niên 2012</li> </ul> |
| 2   | 03/HĐQT/2012  | 04/04/2012 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả thực hiện SXKD quý 1/2012 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.</li> <li>- Thông qua nội dung, chương trình, tài liệu chuẩn bị Đại hội Cổ đông thường niên 2012 vào ngày 20/04/2012.</li> </ul>                          |
| 3   | 08/HĐQT/2012  | 03/05/2012 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông quan việc bầu Ông Dương Anh Tuấn làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2008-2013 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.</li> </ul>   |
| 4   | 10/HĐQT/2012  | 24/05/2012 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc phê duyệt chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2012.</li> </ul>   |
| 5   | 11/HĐQT/2012  | 23/08/2012 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả thực hiện SXKD 06 tháng đầu năm 2012, các giải pháp thực hiện SXKD Quý III/2012 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.</li> </ul>   |
| 6   | 16/HĐQT/2012  | 13/11/2012 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua sơ kết thực hiện sản xuất kinh doanh 10 tháng đầu năm 2012, các giải pháp thực hiện cả năm 2012 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.</li> </ul>   |
| 7   | 18/HĐQT/2012  | 24/12/2012 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo sơ kết thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2012, thông qua quyết toán thực hiện quỹ lương năm 2012, Kế hoạch tài chính năm 2013 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.</li> </ul>   |

## Ban Kiểm soát

Văn Tích Vĩnh

Hà Thị Tố Minh

Trần Thị Yến Nga

Trưởng Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

*Trong năm Ban Kiểm soát có 4 cuộc họp. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm:*

- Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm của mình đã được quy định trong điều lệ và quy chế làm việc của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đã giám sát và đảm bảo việc thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định, điều lệ của công ty.
- Thay mặt cổ đông kiểm soát các mặt quản lý điều hành hoạt động SXKD của công ty, kiểm tra kiểm soát việc thực hiện nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên, các phương hướng nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị đề ra.
- Tham gia các buổi họp của Hội đồng Quản trị, thông qua đó giúp cho công tác kiểm tra, kiểm soát được hiệu quả hơn.
- Trong năm qua Ban Kiểm soát đã tổ chức họp được 4 lần, qua đó đã xem xét theo dõi, kiểm tra công tác kế toán, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng kỳ; tham gia xây dựng nội dung kiểm toán để kiểm tra, đánh giá báo cáo Tài chính của đơn vị, đề nghị công ty lập và thực hiện các định mức vật tư trong sản xuất, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất thông qua việc thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm máy móc thiết bị để phục vụ cho việc phát triển sản xuất của công ty.

## Giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BGD, BKS

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty, của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không có

*Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát*

Theo Nghị quyết của Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2013 về việc phê chuẩn thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013, cụ thể như sau:

### **Thù lao của Hội đồng Quản trị:**

- 01 Chủ tịch : 60 triệu đồng/người/năm
- 04 Thành viên : 42 triệu đồng/người/năm

### **Thu nhập của Ban Giám đốc:**

- Giám đốc : 370 triệu đồng/năm
- Phó Giám đốc : 310 triệu đồng/năm

### **Thù lao của Ban Kiểm soát:**

- 01 Trưởng ban : 36 triệu đồng/người/năm
- 02 Thành viên : 24 triệu đồng/người/năm

## Thông tin cổ phần và cổ đông

Vốn điều lệ năm 2011 của Công ty là 80.000.000.000 đồng và trong năm 2012 Công ty không thay đổi về vốn điều lệ. Mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng.

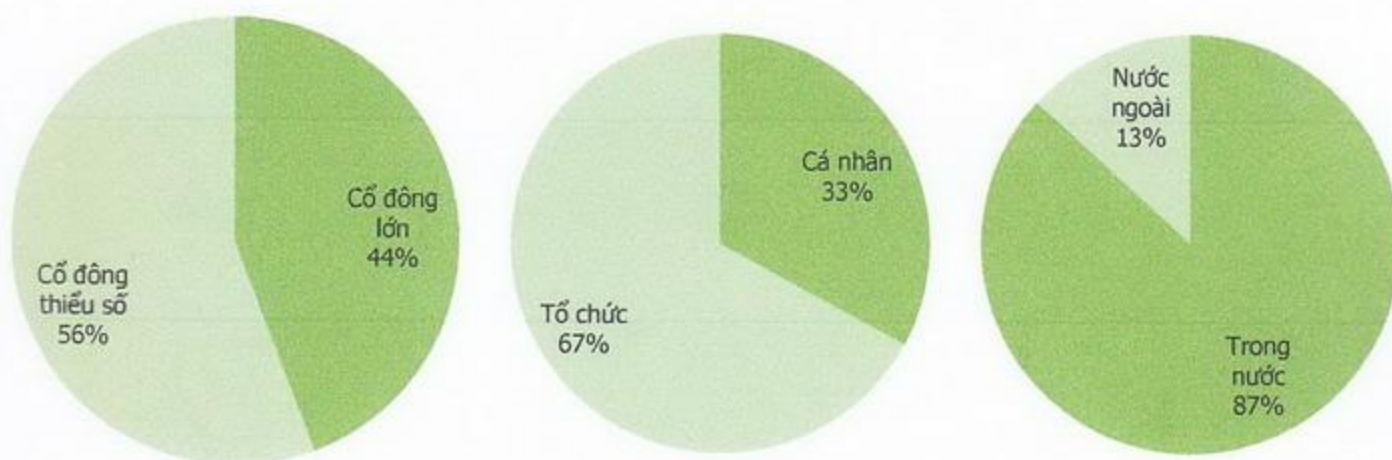
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.000.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

| Loại cổ phần (Đơn vị: cổ phần)      | CP thường | CP ưu đãi |
|-------------------------------------|-----------|-----------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.000.000 | 0         |
| Cổ phần đang lưu hành               | 7.999.368 | 0         |
| Cổ phần chuyển nhượng tự do         | 7.999.368 | 0         |
| Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng    | 0         | 0         |
| Cổ phiếu quỹ                        | 632       | 0         |

Cơ cấu cổ đông chốt ngày 18/03/2013:

### Cơ cấu cổ đông



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: số lượng cổ phiếu quỹ công ty hiện có là 632 cổ phiếu với giá trị: 6,8 triệu đồng.
- Các chứng khoán khác: không có.



*Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn:*

| STT | Người thực hiện giao dịch        | Quan hệ với<br>cđ nội bộ/cđ<br>lớn | Số cp sở hữu<br>đầu kỳ |              | Số cp sở hữu<br>cuối kỳ |              | Lý do tăng, giảm |
|-----|----------------------------------|------------------------------------|------------------------|--------------|-------------------------|--------------|------------------|
|     |                                  |                                    | Số cp                  | Tỷ lệ<br>(%) | Số cp                   | Tỷ lệ<br>(%) |                  |
| 1   | Công ty cổ phần sữa Việt Nam     | Cổ đông lớn                        | 1.421.052              | 17,76        | 389.962                 | 4,87         | Bán              |
| 2   | Intereffekt Investment Funds N.V | Cổ đông lớn                        | 387.300                | 4,728        | 450.000                 | 5,625        | Mua              |
| 3   | Intereffekt Investment Funds N.V | Cổ đông lớn                        | 450.000                | 5,625        | 341.250                 | 4,266        | Bán              |
| 4   | Phạm Trung Lân                   | Cổ đông lớn                        | 393.870                | 4,92         | 402.390                 | 5,03         | Mua              |
| 5   | Phạm Trung Lân                   | Cổ đông lớn                        | 402.390                | 5,03         | 362.990                 | 4,54         | Bán              |

*Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:*

Người có liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

| Stt | Tên tổ chức, cá nhân | Chức vụ tại công ty/<br>quan hệ | Số cp sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cp<br>cuối kỳ |
|-----|----------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| 1   | Dương Anh Tuấn       | Chủ tịch HĐQT                   | 6.315                   | 0,079%                     |
| 2   | Phan Thành Dũng      | Thành viên HĐQT                 | 5.263                   | 0,066%                     |
| 3   | Lê Hoàng Vũ          | Giám đốc - Thành viên HĐQT      | 10.526                  | 0,132%                     |

Người có liên quan đến thành viên Ban Kiểm soát

| Stt | Tên tổ chức, cá nhân | Chức vụ tại công ty/<br>quan hệ | Số cp sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cp<br>cuối kỳ |
|-----|----------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| 1   | Văn Tích Vĩnh        | Trưởng BKS                      | 210                     | 0,003%                     |
| 2   | Hà Thị Tố Minh       | Thành viên BKS                  | 7.894                   | 0,099%                     |
| 2.1 | Nguyễn Đình Ngân     | Chồng                           | 3.157                   | 0,039%                     |

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**



an independent member of  
**BAKER TILLY  
INTERNATIONAL**



## **MỤC LỤC**

|   | <b>Trang</b> |
|---|--------------|
| 1. Mục lục  | 1            |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc  | 2 - 4        |
| 3. Báo cáo kiểm toán  | 5            |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012   | 6 - 9        |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 10           |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012           | 11 - 12      |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012    | 13 - 32      |
| 8. Phụ lục  | 33 - 36      |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

**Khái quát về Công ty**

Công ty cổ phần bao bì dầu thực vật hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001186, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 9 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 01 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 80.000.000.000 VND

Trong đó:

| Cổ đông  | Vốn góp (VND)         | Tỷ lệ (%)     |
|--|-----------------------|---------------|
| Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam | 35.328.000.000        | 44,16         |
| Các cổ đông khác                               | 44.672.000.000        | 55,84         |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>80.000.000.000</b> | <b>100,00</b> |

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84 - 8) 35 974 228 – 35 974 229 – 35 974 230

Fax : (84 - 8) 35 974 231

Email : vmpack@vmpack.com

Mã số thuế : 0 3 0 2 8 3 2 5 2 6

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán bao bì cho ngành thực phẩm;
- Mua bán máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu ngành bao bì;
- Dịch vụ thương mại;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán thực phẩm.

**Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Doanh thu thuần năm nay tăng 71,3 tỷ # 25% và lợi nhuận trước thuế năm nay tăng 25,3 tỷ # 93% so với năm trước chủ yếu là do giá bán và sản lượng tiêu thụ tăng.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 20 tháng 4 năm 2012 như sau:

|                   |                           |
|-------------------|---------------------------|
| Trích lập các quỹ | 3.771.308.942 VND         |
| Chia cổ tức       | 11.999.052.000 VND        |
| <b>Cộng</b>       | <b>15.770.360.942 VND</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

| Họ và tên            | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm       | Ngày miễn nhiệm     |
|----------------------|----------|---------------------|---------------------|
| Ông Đoàn Tấn Nghiệp  | Chủ tịch | 21 tháng 5 năm 2010 | 20 tháng 4 năm 2012 |
| Ông Dương Anh Tuấn   | Ủy viên  | 19 tháng 4 năm 2008 | 20 tháng 4 năm 2012 |
|                      | Chủ tịch | 20 tháng 4 năm 2012 | -                   |
| Ông Phan Thành Dũng  | Ủy viên  | 19 tháng 4 năm 2008 | -                   |
| Ông Ngô Tuấn         | Ủy viên  | 19 tháng 4 năm 2008 | -                   |
| Ông Nguyễn Xuân Thủy | Ủy viên  | 21 tháng 5 năm 2010 | -                   |
| Ông Lê Hoàng Vũ      | Ủy viên  | 20 tháng 4 năm 2012 | -                   |

### Ban Kiểm soát

| Họ và tên           | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm       | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|------------|---------------------|-----------------|
| Ông Văn Tích Vĩnh   | Trưởng ban | 19 tháng 4 năm 2008 | -               |
| Bà Hà Thị Tố Minh   | Thành viên | 19 tháng 4 năm 2008 | -               |
| Bà Trần Thị Yến Nga | Thành viên | 19 tháng 4 năm 2008 | -               |

### Ban điều hành, quản lý

| Họ và tên            | Chức vụ        | Ngày bổ nhiệm       | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------|----------------|---------------------|-----------------|
| Ông Lê Hoàng Vũ      | Giám đốc       | 07 tháng 5 năm 2009 | -               |
| Ông Nguyễn Xuân Thủy | Phó Giám đốc   | 25 tháng 9 năm 2009 | -               |
| Ông Hoàng Bá Chính   | Kế toán trưởng | 21 tháng 5 năm 2010 | -               |

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần bao bì dầu thực vật tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính

Thay mặt Ban Giám đốc,



**Lê Hoàng Vũ**  
**Giám đốc**

Ngày 25 tháng 02 năm 2013





Số: 0057/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT****Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần bao bì dầu thực vật gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 18 tháng 01 năm 2013, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần bao bì dầu thực vật tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)****Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV**Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>108.046.188.022</b> | <b>70.035.205.490</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>39.239.076.641</b>  | <b>10.847.289.900</b> |
| 1. Tiền   | 111        |             | 39.239.076.641         | 10.847.289.900        |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                     |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>      | <b>120</b> |             | -                      | -                     |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                  | 121        |             | -                      | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn    | 129        |             | -                      | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu</b>                      | <b>130</b> |             | <b>35.597.405.084</b>  | <b>24.778.355.107</b> |
| 1. Phải thu của khách hàng                          | 131        | V.2         | 35.588.274.719         | 24.815.756.790        |
| 2. Trả trước cho người bán                          | 132        |             | -                      | -                     |
| 3. Phải thu nội bộ                                  | 133        |             | -                      | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                     |
| 5. Các khoản phải thu khác                          | 135        |             | 91.519.127             | 113.633.465           |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi              | 139        | V.3         | (82.388.762)           | (151.035.148)         |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>33.026.868.797</b>  | <b>34.138.772.332</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.4         | 34.954.064.257         | 36.003.321.908        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        | V.5         | (1.927.195.460)        | (1.864.549.576)       |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>182.837.500</b>     | <b>270.788.151</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | 49.837.500             | 100.588.151           |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                      | -                     |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 154        |             | -                      | -                     |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 157        |             | -                      | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 158        | V.6         | 133.000.000            | 170.200.000           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>78.929.723.982</b>  | <b>85.732.338.520</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc       | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ                      | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu dài hạn khác                        | 218        |             | -                      | -                      |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>78.899.797.318</b>  | <b>85.676.888.982</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.7         | 72.266.625.382         | 78.719.137.434         |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 128.377.713.539        | 126.521.526.330        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (56.111.088.157)       | (47.802.388.896)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.8         | 6.633.171.936          | 6.957.751.548          |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | 7.992.230.510          | 7.992.230.510          |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | (1.359.058.574)        | (1.034.478.962)        |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 230        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 241        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>   | <b>250</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư dài hạn khác                          | 258        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn | 259        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                  | <b>260</b> |             | <b>29.926.664</b>      | <b>55.449.538</b>      |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        |             | 29.926.664             | 55.449.538             |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>186.975.912.004</b> | <b>155.767.544.010</b> |

1449  
CÔNG  
NHIỆ  
DÂN  
i &  
TP.H  
CỔ  
CỔ  
BÁ  
SUY  
TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>49.974.199.465</b>  | <b>54.765.017.131</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>49.974.199.465</b>  | <b>54.716.604.983</b>  |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                               | 311        | V.9         | 19.815.785.959         | 31.516.177.912         |
| 2. Phải trả người bán                               | 312        | V.10        | 22.766.312.881         | 17.678.312.851         |
| 3. Người mua trả tiền trước                         | 313        |             | -                      | -                      |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 314        | V.11        | 2.243.429.114          | 2.367.987.946          |
| 5. Phải trả người lao động                          | 315        | V.12        | 4.470.821.000          | 2.991.217.000          |
| 6. Chi phí phải trả                                 | 316        | V.13        | 385.000.000            | 60.000.000             |
| 7. Phải trả nội bộ                                  | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác       | 319        | V.14        | 292.850.511            | 102.909.274            |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 320        |             | -                      | -                      |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 323        |             | -                      | -                      |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 327        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>-</b>               | <b>48.412.148</b>      |
| 1. Phải trả dài hạn người bán                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ                          | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Phải trả dài hạn khác                            | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Vay và nợ dài hạn                                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm                    | 336        | V.15        | -                      | 48.412.148             |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn                        | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện                         | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ             | 339        |             | -                      | -                      |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> |             | <b>137.001.712.539</b> | <b>101.002.526.879</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                            | <b>410</b> |             | <b>137.001.712.539</b> | <b>101.002.526.879</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                        | 411        | V.16        | 80.000.000.000         | 80.000.000.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                             | 412        | V.16        | 493.885.000            | 493.885.000            |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu                          | 413        | V.16        | 178.232.935            | -                      |
| 4. Cổ phiếu quỹ                                     | 414        | V.16        | (6.831.972)            | (6.831.972)            |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                       | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển                            | 417        | V.16        | 2.870.413.340          | -                      |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính                           | 418        |             | -                      | -                      |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                    | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 420        | V.16        | 53.466.013.236         | 20.515.473.851         |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                | 421        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                 | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>               | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                                   | 432        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định     | 433        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                          | <b>440</b> |             | <b>186.975.912.004</b> | <b>155.767.544.010</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU                                       | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|--|-------------|-------------|-------------|
|  |             |             |             |
| 1. Tài sản thuê ngoài                          |             | -           | -           |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công |             | 82.147.393  | 268.986.585 |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược  |             | -           | -           |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý                         | V.17        | 240.421.524 | 166.079.380 |
| 5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)          |             | 21.097,57   | 19.777,25   |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án                |             | -           | -           |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2013

Phạm Thị Kim Anh  
Người lập biểu

Hoàng Bá Chinh  
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Vũ  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


Năm 2012


Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND      |                       |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|  |       |             | Năm nay               | Năm trước             |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 351.957.512.174       | 280.003.817.347       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.1        | 696.358.581           | 40.946.620            |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | VI.1        | 351.261.153.593       | 279.962.870.727       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 268.591.525.019       | 225.928.629.588       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 82.669.628.574        | 54.034.241.139        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 505.597.462           | 122.351.196           |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 4.030.561.598         | 8.418.736.152         |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 3.987.384.513         | 5.718.762.501         |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 24    | VI.5        | 13.208.127.408        | 7.823.968.463         |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    | VI.6        | 13.206.203.624        | 10.872.348.329        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 52.730.333.406        | 27.041.539.391        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.7        | 220.792.148           | 427.934.291           |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.8        | 267.357.549           | 134.984.828           |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (46.565.401)          | 292.949.463           |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 52.683.768.005        | 27.334.488.854        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.11        | 3.962.867.678         | 1.449.635.603         |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                     | -                     |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>48.720.900.327</u> | <u>25.884.853.251</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.9        | <u>6.091</u>          | <u>3.236</u>          |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2013

  
 Phạm Thị Kim Anh  
 Người lập biểu

  
 Hoàng Bá Chính  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Hoàng Vũ  
 Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND       |                        |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |           |             | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                        |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế   | 01        |             | 52.683.768.005         | 27.334.488.854         |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:  |           |             |                        |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định  | 02        | V.7, V.8    | 8.829.113.009          | 8.668.898.533          |
| - Các khoản dự phòng  | 03        | V.3, V.5    | 68.341.642             | 1.572.351.539          |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04        | VI.4        | 252.884                | 14.894.791             |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư   | 05        | VI.7, VI.8  | (18.474.981)           | 20.187.442             |
| - Chi phí lãi vay   | 06        | VI.4        | 3.987.384.513          | 5.718.762.501          |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                | 08        |             | 65.550.385.072         | 43.329.583.660         |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu   | 09        |             | (10.823.278.670)       | (4.214.654.373)        |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho   | 10        |             | 1.049.257.651          | (1.946.843.480)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả   | 11        |             | 7.729.572.143          | (15.216.219.797)       |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước  | 12        |             | 76.273.525             | 492.786.876            |
| - Tiền lãi vay đã trả   | 13        | VI.4        | (3.987.384.513)        | (5.718.762.501)        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 14        | V.11        | (4.784.822.427)        | (172.305.037)          |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh   | 15        |             | -                      | -                      |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh   | 16        |             | (686.929.732)          | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>54.123.073.049</b>  | <b>16.553.585.348</b>  |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                        |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        | V.7         | (2.228.546.364)        | (1.097.181.818)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        | VI.7        | 195.000.000            | 63.636.346             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | -                      | -                      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | -                      | -                      |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        |             | -                      | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26        |             | -                      | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        |             | -                      | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>(2.033.546.364)</b> | <b>(1.033.545.472)</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

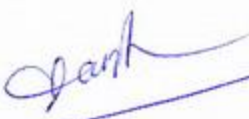
## BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh |                                |                                |
|--|-----------|-------------|--------------------------------|--------------------------------|
|  |           |             | <u>Năm nay</u>                 | <u>Năm trước</u>               |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                                |                                |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                              | -                              |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                              | -                              |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được  | 33        | V.9         | 183.645.600.748                | 202.073.630.059                |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        | V.9         | (195.345.992.701)              | (213.732.051.541)              |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính  | 35        |             | -                              | -                              |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | V.16        | (11.996.757.260)               | -                              |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | <i>40</i> |             | <u><i>(23.697.149.213)</i></u> | <u><i>(11.658.421.482)</i></u> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>28.392.377.472</b>          | <b>3.861.618.394</b>           |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>10.847.289.900</b>          | <b>6.984.650.020</b>           |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | (590.731)                      | 1.021.486                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <u><b>39.239.076.641</b></u>   | <u><b>10.847.289.900</b></u>   |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2013

  
Phạm Thị Kim Anh  
Người lập biểu

  
Hoàng Bá Chinh  
Kế toán trưởng

  
Lê Hoàng Vũ  
Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán bao bì cho ngành thực phẩm; Mua bán vật tư nguyên liệu ngành bao bì.
- Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 247 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 230 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Doanh thu thuần năm nay tăng 71,3 tỷ # 25% và lợi nhuận trước thuế năm nay tăng 25,3 tỷ # 93% so với năm trước chủ yếu là do giá bán và sản lượng tiêu thụ tăng.

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

#### 3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 08 - 46       |
| Máy móc và thiết bị             | 07 - 25       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 15       |
| Tài sản cố định hữu hình khác   | 05 - 20       |

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (40 năm).

#### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### 8. Tài sản thuê hoạt động

#### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

### 13. Nguồn vốn kinh doanh

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

|                             | Mục đích  | Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế |
|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| • Quỹ đầu tư phát triển     | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty   | 01%                                   |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động | 01%                                   |

### 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD  
31/12/2012 : 20.800 VND/USD

### 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 19. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính của Công ty chỉ gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### 20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

815-  
G TY  
M HỮU  
VÀ TU  
C  
CH

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                    | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt           | 18.483.744                   | 148.879.587                  |
| Tiền gửi ngân hàng | 39.220.592.897               | 10.698.410.313               |
| <b>Cộng</b>        | <b><u>39.239.076.641</u></b> | <b><u>10.847.289.900</u></b> |

**2. Phải thu khách hàng**

|                     | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---------------------|------------------------------|------------------------------|
| Các bên liên quan   | 816.415.611                  | 892.815.462                  |
| Các khách hàng khác | 34.771.859.108               | 23.922.941.328               |
| <b>Cộng</b>         | <b><u>35.588.274.719</u></b> | <b><u>24.815.756.790</u></b> |

Khoản phải thu khách hàng có giá trị tương đương USD 1,900,000 đã được đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

**3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

|  | <u>Số cuối năm</u>       | <u>Số đầu năm</u>         |
|--|--------------------------|---------------------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm               | 60.175.590               | 21.300.000                |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 2.000.000                | 11.225.420                |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 15.715.588               | -                         |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm               | 4.497.584                | 118.509.728               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>82.388.762</u></b> | <b><u>151.035.148</u></b> |

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

|                            |                          |
|----------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm                 | 151.035.148              |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 5.695.758                |
| Giảm do xử lý xoá nợ       | (74.342.144)             |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b><u>82.388.762</u></b> |

**4. Hàng tồn kho**

|                                      | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường          | 879.585.810                  | -                            |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 24.082.471.635               | 28.030.726.008               |
| Công cụ, dụng cụ                     | -                            | 5.760.000                    |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 862.524.759                  | 790.297.361                  |
| Thành phẩm                           | 8.306.644.446                | 6.697.968.576                |
| Hàng hóa                             | 822.837.607                  | 478.569.963                  |
| <b>Cộng</b>                          | <b><u>34.954.064.257</u></b> | <b><u>36.003.321.908</u></b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm có giá trị ghi sổ là 26.378.477.497 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

### 5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu và thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

|                    |                      |
|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm         | 1.864.549.576        |
| Trích lập dự phòng | 62.645.884           |
| Hoàn nhập dự phòng | -                    |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>1.927.195.460</b> |

### 6. Tài sản ngắn hạn khác

|  | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|--|--------------------|--------------------|
| Tạm ứng                                    | 33.000.000         | 70.200.000         |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 100.000.000        | 100.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>133.000.000</b> | <b>170.200.000</b> |

### 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị   | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng                   |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                        |                       |                                 |                           |                               |                        |
| Số đầu năm                            | 20.785.911.447         | 98.594.491.020        | 4.025.326.154                   | 1.011.136.833             | 2.104.660.876                 | 126.521.526.330        |
| Mua sắm mới                           | 607.586.364            | 1.620.960.000         | -                               | -                         | -                             | 2.228.546.364          |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | (372.359.155)         | -                               | -                         | -                             | (372.359.155)          |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>21.393.497.811</b>  | <b>99.843.091.865</b> | <b>4.025.326.154</b>            | <b>1.011.136.833</b>      | <b>2.104.660.876</b>          | <b>128.377.713.539</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                       |                                 |                           |                               |                        |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 72.474.000             | 47.145.930            | 100.000.000                     | 639.532.037               | 21.772.727                    | 880.924.694            |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                        |                       |                                 |                           |                               |                        |
| Số đầu năm                            | 3.413.651.443          | 41.317.936.621        | 1.820.624.825                   | 809.503.888               | 440.672.119                   | 47.802.388.896         |
| Khấu hao trong năm                    | 559.390.650            | 7.304.371.392         | 419.962.152                     | 86.144.445                | 134.664.758                   | 8.504.533.397          |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | (195.834.136)         | -                               | -                         | -                             | (195.834.136)          |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>3.973.042.093</b>   | <b>48.426.473.877</b> | <b>2.240.586.977</b>            | <b>895.648.333</b>        | <b>575.336.877</b>            | <b>56.111.088.157</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                        |                       |                                 |                           |                               |                        |
| Số đầu năm                            | 17.372.260.004         | 57.276.554.399        | 2.204.701.329                   | 201.632.945               | 1.663.988.757                 | 78.719.137.434         |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>17.420.455.718</b>  | <b>51.416.617.988</b> | <b>1.784.739.177</b>            | <b>115.488.500</b>        | <b>1.529.323.999</b>          | <b>72.266.625.382</b>  |

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng  
Đang chờ thanh lý

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 113.776.798.974 VND và 63.337.721.409 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

### 8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

|                                       | <u>Quyền<br/>sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm<br/>máy tính</u> | <u>Cộng</u>          |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                              |                              |                      |
| Số đầu năm                            | 7.152.082.020                | 840.148.490                  | 7.992.230.510        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>7.152.082.020</b>         | <b>840.148.490</b>           | <b>7.992.230.510</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                              |                              |                      |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                            | 109.402.030                  | 109.402.030          |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                              |                              |                      |
| Số đầu năm                            | 535.290.948                  | 499.188.014                  | 1.034.478.962        |
| Khấu hao trong năm                    | 178.430.316                  | 146.149.296                  | 324.579.612          |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>713.721.264</b>           | <b>645.337.310</b>           | <b>1.359.058.574</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                              |                              |                      |
| Số đầu năm                            | 6.616.791.072                | 340.960.476                  | 6.957.751.548        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>6.438.360.756</b>         | <b>194.811.180</b>           | <b>6.633.171.936</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                              |                              |                      |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                            | -                            | -                    |
| Đang chờ thanh lý                     | -                            | -                            | -                    |

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

### 9. Vay và nợ ngắn hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(a)</sup> | 4.912.604.844         | 13.339.669.809        |
| Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(b)</sup>  | 9.749.732.689         | 7.861.400.821         |
| Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) <sup>(c)</sup>   | 5.153.448.426         | 10.315.107.282        |
| <b>Cộng</b>   | <b>19.815.785.959</b> | <b>31.516.177.912</b> |

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.7) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.8).

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.2), thế chấp nguyên liệu, thành phẩm (xem thuyết minh số V.4), tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.7).

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.2), thế chấp nguyên liệu, thành phẩm (xem thuyết minh số V.4) và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.7).

### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

|                       |                       |
|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm            | 31.516.177.912        |
| Số tiền vay phát sinh | 183.645.600.748       |
| Số tiền vay đã trả    | (195.345.992.701)     |
| <b>Số cuối năm</b>    | <b>19.815.785.959</b> |

### 10. Phải trả người bán

|                             | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các nhà cung cấp trong nước | 21.887.064.918        | 17.624.993.171        |
| Các nhà cung cấp nước ngoài | 879.247.963           | 53.319.680            |
| <b>Cộng</b>                 | <b>22.766.312.881</b> | <b>17.678.312.851</b> |

### 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>   |
|----------------------------|----------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 618.784.356          | 9.890.319.272                | (9.314.077.992)            | 1.195.025.636        |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu   | -                    | 6.239.292.323                | (6.239.292.323)            | -                    |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | -                    | 42.140.703                   | (42.140.703)               | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.449.635.603        | 3.962.867.678                | (4.784.822.427)            | 627.680.854          |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 299.567.987          | 580.522.811                  | (459.368.174)              | 420.722.624          |
| Các loại thuế khác         | -                    | 3.000.000                    | (3.000.000)                | -                    |
| <b>Cộng</b>                | <b>2.367.987.946</b> | <b>20.718.142.787</b>        | <b>(20.842.701.619)</b>    | <b>2.243.429.114</b> |

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6489/UB-CNN ngày 12 tháng 12 năm 2003 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (năm 2004), được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (năm 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Ngoài ra, Công ty còn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân do có tổng nguồn vốn và số lao động đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp nhỏ và vừa qui định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|   | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|---|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | 52.683.768.005       | 27.334.488.854       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:            |                      |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng   | 534.558.429          | 278.639.350          |
| - Các khoản điều chỉnh giảm   | -                    | (1.021.486)          |
| Thu nhập chịu thuế  | 53.218.326.434       | 27.612.106.718       |
| Trong đó:   |                      |                      |
| - Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)  | 46.497.372.628       | 27.612.106.718       |
| - Thu nhập không được hưởng ưu đãi (thuế suất 25%)  | 6.720.953.806        | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp   | 8.654.844.346        | 4.141.816.008        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm  | (3.487.302.947)      | (2.070.908.004)      |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính | (1.550.262.420)      | (621.272.401)        |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước   | 345.588.699          | -                    |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>  | <b>3.962.867.678</b> | <b>1.449.635.603</b> |

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**12. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn lại phải trả công nhân viên.

**13. Chi phí phải trả**

Chi phí dịch vụ phải trả.

**14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

|                            | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Bảo hiểm xã hội            | 38.120.410         | 13.226.562         |
| Kinh phí công đoàn         | 33.727.101         | 30.189.340         |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 28.420.500         | 26.125.760         |
| Các khoản phải trả khác    | 192.582.500        | 33.367.612         |
| <b>Cộng</b>                | <b>292.850.511</b> | <b>102.909.274</b> |

**15. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

|                          |              |
|--------------------------|--------------|
| Số đầu năm               | 48.412.148   |
| Số chi trong năm         | (22.620.000) |
| Kết chuyển thu nhập khác | (25.792.148) |
| <b>Số cuối năm</b>       | <b>-</b>     |

**16. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 33.

**Cổ tức**

Cổ tức của năm trước đã chi trả trong năm với số tiền là 11.996.757.260 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Cổ phiếu**

|  | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 8.000.000          | 8.000.000         |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 8.000.000          | 8.000.000         |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 8.000.000          | 8.000.000         |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | 632                | 632               |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 632                | 632               |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 7.999.368          | 7.999.368         |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 7.999.368          | 7.999.368         |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**17. Nợ khó đòi đã xử lý**

|                     |                    |
|---------------------|--------------------|
| Số đầu năm          | 166.079.380        |
| Nợ khó đòi đã xử lý | 74.342.144         |
| <b>Số cuối năm</b>  | <b>240.421.524</b> |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                       | <u>Năm nay</u>         | <u>Năm trước</u>       |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tổng doanh thu                        | 351.957.512.174        | 280.003.817.347        |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>         | 44.524.771.093         | 13.785.822.212         |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>       | 301.709.052.781        | 250.937.608.279        |
| <i>Doanh thu khác</i>                 | 5.723.688.300          | 15.280.386.856         |
| Các khoản giảm trừ doanh thu:         | (696.358.581)          | (40.946.620)           |
| <i>Giảm giá hàng bán</i>              | -                      | (20.979.400)           |
| <i>Hàng bán bị trả lại</i>            | (696.358.581)          | (19.967.220)           |
| <b>Doanh thu thuần</b>                | <b>351.261.153.593</b> | <b>279.962.870.727</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                        |
| <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>   | 44.515.811.093         | 13.785.822.212         |
| <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i> | 301.021.654.200        | 250.896.661.659        |
| <i>Doanh thu thuần khác</i>           | 5.723.688.300          | 15.280.386.856         |

**2. Giá vốn hàng bán**

|                                       | <u>Năm nay</u>         | <u>Năm trước</u>       |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa                  | 42.370.940.898         | 10.892.322.042         |
| Giá vốn của thành phẩm <sup>(i)</sup> | 220.419.832.637        | 198.193.244.829        |
| Giá vốn khác                          | 5.738.105.600          | 15.262.572.711         |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho        | 62.645.884             | 1.580.490.006          |
| <b>Cộng</b>                           | <b>268.591.525.019</b> | <b>225.928.629.588</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(i) Giá vốn của thành phẩm như sau:

|  | <u>Năm nay</u>         | <u>Năm trước</u>       |
|--|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp              | 166.495.696.056        | 153.014.302.161        |
| Chi nhân công trực tiếp                        | 10.968.703.656         | 8.680.995.680          |
| Chi phí sản xuất chung                         | 44.636.336.193         | 38.727.804.937         |
| <b>Tổng chi phí sản xuất</b>                   | <b>222.100.735.905</b> | <b>200.423.102.778</b> |
| Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | (72.227.398)           | (139.529.091)          |
| <b>Tổng giá thành sản xuất</b>                 | <b>222.021.449.809</b> | <b>200.283.573.687</b> |
| Chênh lệch tồn kho thành phẩm                  | (1.608.675.870)        | (2.090.328.858)        |
| <b>Giá vốn của thành phẩm</b>                  | <b>220.419.832.637</b> | <b>198.193.244.829</b> |

3. **Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi không kỳ hạn.

4. **Chi phí tài chính**

|                                     | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay                     | 3.987.384.513        | 5.718.762.501        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 42.924.201           | 2.685.078.860        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 252.884              | 14.894.791           |
| <b>Cộng</b>                         | <b>4.030.561.598</b> | <b>8.418.736.152</b> |

5. **Chi phí bán hàng**

|                           | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>     |
|---------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên     | 1.544.774.460         | 1.109.755.020        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.644.627.553         | 4.793.817.137        |
| Chi phí khác              | 3.018.725.395         | 1.920.396.306        |
| <b>Cộng</b>               | <b>13.208.127.408</b> | <b>7.823.968.463</b> |

6. **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 6.888.185.980         | 5.453.134.561         |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 34.527.277            | 24.838.176            |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 785.209.248           | 698.942.455           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.411.803.822         | 2.801.447.171         |
| Chi phí khác                     | 4.086.477.297         | 1.893.985.966         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>13.206.203.624</b> | <b>10.872.348.329</b> |

7. **Thu nhập khác**

|   | <u>Năm nay</u>     | <u>Năm trước</u>   |
|---|--------------------|--------------------|
| Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 195.000.000        | 63.636.346         |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng                    | -                  | 352.098.472        |
| Thu nhập khác                                 | 25.792.148         | 12.199.473         |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>220.792.148</b> | <b>427.934.291</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 8. Chi phí khác

|  | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>          |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | 176.525.019               | 83.823.788                |
| Thuế bị phạt, bị truy thu                                | 85.204.530                | -                         |
| Chi phí khác   | 5.628.000                 | 51.161.040                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>267.357.549</u></b> | <b><u>134.984.828</u></b> |

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|   | <u>Năm nay</u>      | <u>Năm trước</u>    |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp  | 48.720.900.327      | 25.884.853.251      |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | -                   | -                   |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông   | 48.720.900.327      | 25.884.853.251      |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm  | 7.999.368           | 7.999.368           |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>   | <b><u>6.091</u></b> | <b><u>3.236</u></b> |

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 188.956.507.413               | 168.948.820.850               |
| Chi phí nhân công                | 25.338.026.518                | 20.467.309.420                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.829.113.009                 | 8.668.898.533                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 13.254.717.877                | 10.403.347.928                |
| Chi phí khác                     | 12.136.702.120                | 10.631.042.839                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>248.515.066.937</u></b> | <b><u>219.119.419.570</u></b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong năm là 1.209.400.000 VND (số năm trước là 1.074.000.000 VND).

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u>                           | <u>Mối quan hệ</u>   |
|--|--|
| Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam | Cổ đông chiếm 44,16% vốn điều lệ   |
| Công ty cổ phần dầu thực vật Tân Bình          | Cổ đông và là công ty con của Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam |
| Công ty cổ phần dầu thực vật Tường An          | Cổ đông và là công ty con của Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam |
| Công ty cổ phần thương mại dầu thực vật        | Cổ đông và là công ty con của Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam |

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <b>Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam</b> |                |                  |
| Bán hàng  | 3.085.644.525  | 2.150.863.130    |
| <b>Công ty cổ phần dầu thực vật Tân Bình</b>          |                |                  |
| Bán hàng  | 4.093.370.720  | 5.236.579.410    |
| <b>Công ty cổ phần dầu thực vật Tường An</b>          |                |                  |
| Bán hàng  | 4.121.403.275  | 6.551.611.678    |
| <b>Công ty cổ phần thương mại dầu thực vật</b>        |                |                  |
| Bán hàng  | 557.695.260    | -                |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

|   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|---|--------------------|--------------------|
| <b>Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam</b> |                    |                    |
| Tiền hàng phải thu                                    | -                  | 341.885.401        |
| <b>Công ty cổ phần dầu thực vật Tân Bình</b>          |                    |                    |
| Tiền hàng phải thu                                    | 478.864.133        | 280.179.141        |
| <b>Công ty cổ phần dầu thực vật Tường An</b>          |                    |                    |
| Tiền hàng phải thu                                    | 300.520.627        | 270.750.920        |
| <b>Công ty cổ phần thương mại dầu thực vật</b>        |                    |                    |
| Tiền hàng phải thu                                    | 37.030.851         | -                  |
| <b>Cộng nợ phải thu</b>                               | <u>816.415.611</u> | <u>892.815.462</u> |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá bán do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất thùng carton;
- Lĩnh vực sản xuất chai nhựa pet;
- Lĩnh vực sản xuất nắp, nút;
- Các lĩnh vực khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 34 đến trang 36.

### *Khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Thuê hoạt động

#### *Các hợp đồng đi thuê*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền phí duy tu cơ sở hạ tầng và phí tiện ích công cộng tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

|                        | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 133.844.850                 | 133.844.850                 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 535.379.400                 | 535.379.400                 |
| Trên 05 năm            | 4.209.420.533               | 4.345.496.130               |
| <b>Cộng</b>            | <b><u>4.878.644.783</u></b> | <b><u>5.014.720.380</u></b> |

Theo Hợp đồng thuê đất số 29/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2002 ký với Công ty TNHH đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Tân Thới Hiệp và theo thông báo số 59/CV-TTH.11 ngày 07 tháng 12 năm 2011 Công ty phải trả phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và phí tiện ích công cộng là 10.510 VND/m<sup>2</sup>/năm cho đến ngày 05 tháng 12 năm 2048.

### 4. Quản lý rủi ro tài chính

#### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

|                                    | <u>Chưa quá hạn<br/>hay chưa bị<br/>giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn<br/>nhưng không<br/>giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn<br/>và/hoặc bị<br/>giảm giá</u> | <u>Chưa quá hạn<br/>nhưng bị<br/>giảm giá</u> | <u>Cộng</u>           |
|------------------------------------|--|--|---|---|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                 |  |  |   |   |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 39.239.076.641                                   | -  | -   | -   | 39.239.076.641        |
| Phải thu khách hàng                | 35.356.740.994                                   | -  | 231.533.725                                   | -   | 35.588.274.719        |
| Các khoản phải thu khác            | 191.519.127                                      | -  | -   | -   | 191.519.127           |
| <b>Cộng</b>                        | <b>74.787.336.762</b>                            | <b>-</b>                                       | <b>231.533.725</b>                            | <b>-</b>                                      | <b>75.018.870.487</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                  |  |  |   |   |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.847.289.900                                   | -  | -   | -   | 10.847.289.900        |
| Phải thu khách hàng                | 24.603.796.222                                   | -  | 211.960.568                                   | -   | 24.815.756.790        |
| Các khoản phải thu khác            | 283.833.465                                      | -  | -   | -   | 283.833.465           |
| <b>Cộng</b>                        | <b>35.734.919.587</b>                            | <b>-</b>                                       | <b>211.960.568</b>                            | <b>-</b>                                      | <b>35.946.880.155</b> |

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <u>Từ 01 năm<br/>trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm<br/>đến 05 năm</u> | <u>Trên 05 năm</u> | <u>Cộng</u>           |
|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                                |                                   |                    |                       |
| Phải trả cho người bán  | 22.766.312.881                 | -                                 | -                  | 22.766.312.881        |
| Vay và nợ               | 19.815.785.959                 | -                                 | -                  | 19.815.785.959        |
| Các khoản phải trả khác | 677.850.511                    | -                                 | -                  | 677.850.511           |
| <b>Cộng</b>             | <b>43.259.949.351</b>          | <b>-</b>                          | <b>-</b>           | <b>43.259.949.351</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                                |                                   |                    |                       |
| Phải trả cho người bán  | 17.678.312.851                 | -                                 | -                  | 17.678.312.851        |
| Vay và nợ               | 31.516.177.912                 | -                                 | -                  | 31.516.177.912        |
| Các khoản phải trả khác | 3.202.538.422                  | -                                 | -                  | 3.202.538.422         |
| <b>Cộng</b>             | <b>52.397.029.185</b>          | <b>-</b>                          | <b>-</b>           | <b>52.397.029.185</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có giá trị nhỏ.

### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

### *Tài sản đảm bảo*

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty thế chấp các khoản công nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 35.670.663.481 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 24.966.791.938 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### Tài sản tài chính

|                                    | Giá trị ghi sổ        |                     |                       |                      | Giá trị hợp lý        |                       |
|------------------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                    | Số cuối năm           |                     | Số đầu năm            |                      | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|                                    | Giá gốc               | Dự phòng            | Giá gốc               | Dự phòng             |                       |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 39.239.076.641        | -                   | 10.847.289.900        | -                    | 39.239.076.641        | 10.847.289.900        |
| Phải thu khách hàng                | 35.588.274.719        | (82.388.762)        | 24.815.756.790        | (151.035.148)        | 35.505.885.957        | 24.664.721.642        |
| Các khoản phải thu khác            | 191.519.127           | -                   | 283.833.465           | -                    | 191.519.127           | 283.833.465           |
| <b>Cộng</b>                        | <b>75.018.870.487</b> | <b>(82.388.762)</b> | <b>35.946.880.155</b> | <b>(151.035.148)</b> | <b>74.936.481.725</b> | <b>35.795.845.007</b> |

### Nợ phải trả tài chính

|                         | Giá trị ghi sổ        |                       | Giá trị hợp lý        |                       |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                         | Số cuối năm           | Số đầu năm            | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|                         | Phải trả người bán    | 22.766.312.881        | 17.678.312.851        | 22.766.312.881        |
| Vay và nợ               | 19.815.785.959        | 31.516.177.912        | 19.815.785.959        | 31.516.177.912        |
| Các khoản phải trả khác | 677.850.511           | 3.202.538.422         | 677.850.511           | 3.202.538.422         |
| <b>Cộng</b>             | <b>43.259.949.351</b> | <b>52.397.029.185</b> | <b>43.259.949.351</b> | <b>52.397.029.185</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2013



Phạm Thị Kim Anh  
Người lập biểu

Hoàng Bá Chính  
Kế toán trưởng

Lê Hoàng Vũ  
Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

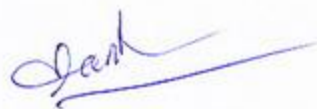
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                             | Vốn đầu tư<br>của chủ sở hữu | Thặng dư vốn<br>cổ phần | Vốn khác<br>của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ       | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng                   |
|-----------------------------|------------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước         | 80.000.000.000               | 493.885.000             | -                          | (6.831.972)        | -                        | (5.369.379.400)                      | 75.117.673.628         |
| Lợi nhuận trong năm         | -                            | -                       | -                          | -                  | -                        | 25.884.853.251                       | 25.884.853.251         |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>80.000.000.000</b>        | <b>493.885.000</b>      | <b>-</b>                   | <b>(6.831.972)</b> | <b>-</b>                 | <b>20.515.473.851</b>                | <b>101.002.526.879</b> |
| Số dư đầu năm nay           | 80.000.000.000               | 493.885.000             | -                          | (6.831.972)        | -                        | 20.515.473.851                       | 101.002.526.879        |
| Lợi nhuận trong năm         | -                            | -                       | -                          | -                  | -                        | 48.720.900.327                       | 48.720.900.327         |
| Phân phối lợi nhuận         | -                            | -                       | 178.232.935                | -                  | 2.870.413.340            | (3.226.879.210)                      | (178.232.935)          |
| Chia cổ tức                 | -                            | -                       | -                          | -                  | -                        | (11.999.052.000)                     | (11.999.052.000)       |
| Chi thưởng ban điều hành    | -                            | -                       | -                          | -                  | -                        | (544.429.732)                        | (544.429.732)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b>80.000.000.000</b>        | <b>493.885.000</b>      | <b>178.232.935</b>         | <b>(6.831.972)</b> | <b>2.870.413.340</b>     | <b>53.466.013.236</b>                | <b>137.001.712.539</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2013



Phạm Thị Kim Anh  
Người lập biểu



Hoàng Bá Chính  
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Vũ  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|   | <u>Thùng carton</u>    | <u>Chai nhựa pet</u>  | <u>Nắp, nút</u>      | <u>Các lĩnh vực khác</u> | <u>Cộng</u>            |
|---|------------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------|------------------------|
| <b>Năm nay</b>  |                        |                       |                      |                          |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 317.157.370.443        | 11.249.113.370        | 8.729.060.805        | 14.125.608.975           | 351.261.153.593        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>317.157.370.443</b> | <b>11.249.113.370</b> | <b>8.729.060.805</b> | <b>14.125.608.975</b>    | <b>351.261.153.593</b> |
| Chi phí bộ phận   | 235.647.083.698        | 10.445.440.764        | 8.903.754.596        | 13.595.245.961           | 268.591.525.019        |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 81.510.286.745         | 803.672.606           | (174.693.791)        | 530.363.014              | 82.669.628.574         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                        |                       |                      |                          | (26.414.331.032)       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                        |                       |                      |                          | 56.255.297.542         |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                        |                       |                      |                          | 505.597.462            |
| Chi phí tài chính   |                        |                       |                      |                          | (4.030.561.598)        |
| Thu nhập khác   |                        |                       |                      |                          | 220.792.148            |
| Chi phí khác  |                        |                       |                      |                          | (267.357.549)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                        |                       |                      |                          | (3.962.867.678)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                        |                       |                      |                          | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |                        |                       |                      |                          | <b>48.720.900.327</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>-</b>               | <b>-</b>              | <b>-</b>             | <b>-</b>                 | <b>-</b>               |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>3.594.478.559</b>   | <b>2.638.713.435</b>  | <b>1.810.711.767</b> | <b>-</b>                 | <b>8.043.903.761</b>   |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>-</b>               | <b>-</b>              | <b>-</b>             | <b>-</b>                 | <b>-</b>               |

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

| Năm trước   | Thùng carton           | Chai nhựa pet        | Nắp, nút             | Các lĩnh vực khác     | Cộng                   |
|---|------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 248.649.915.725        | 6.373.925.907        | 9.409.094.282        | 15.529.934.813        | 279.962.870.727        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>248.649.915.725</b> | <b>6.373.925.907</b> | <b>9.409.094.282</b> | <b>15.529.934.813</b> | <b>279.962.870.727</b> |
| Chi phí bộ phận   | 193.144.343.352        | 7.628.738.692        | 10.252.013.136       | 14.903.534.408        | 225.928.629.588        |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 55.505.572.373         | (1.254.812.785)      | (842.918.854)        | 626.400.405           | 54.034.241.139         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                        |                      |                      |                       | (18.696.316.792)       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                        |                      |                      |                       | 35.337.924.347         |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                        |                      |                      |                       | 122.351.196            |
| Chi phí tài chính   |                        |                      |                      |                       | (8.418.736.152)        |
| Thu nhập khác   |                        |                      |                      |                       | 427.934.291            |
| Chi phí khác  |                        |                      |                      |                       | (134.984.828)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                        |                      |                      |                       | (1.449.635.603)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                        |                      |                      |                       | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |                        |                      |                      |                       | <b>25.884.853.251</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>-</b>               | <b>-</b>             | <b>-</b>             | <b>-</b>              | <b>-</b>               |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>3.525.283.806</b>   | <b>2.639.627.172</b> | <b>1.805.045.100</b> | <b>-</b>              | <b>7.969.956.078</b>   |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>-</b>               | <b>-</b>             | <b>-</b>             | <b>-</b>              | <b>-</b>               |



Phạm Thị Kim Anh  
Người lập biểu



Hoàng Bá Chính  
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Vũ  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

|  | <u>Thùng carton</u> | <u>Chai nhựa pet</u> | <u>Nắp, nút</u> | <u>Các lĩnh vực khác</u> | <u>Cộng</u>            |
|--|---------------------|----------------------|-----------------|--------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                     |                     |                      |                 |                          |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 36.725.495.251      | 17.489.137.476       | 13.311.070.612  | -                        | 67.525.703.339         |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | -                   | -                    | -               | -                        | -                      |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                     |                      |                 |                          | 119.450.208.665        |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                     |                      |                 |                          | <b>186.975.912.004</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | -                   | -                    | -               | -                        | -                      |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | -                   | -                    | -               | -                        | -                      |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                     |                      |                 |                          | 49.974.199.465         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                     |                      |                 |                          | <b>49.974.199.465</b>  |
| <b>Số đầu năm</b>                      |                     |                      |                 |                          |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 38.607.952.465      | 20.127.850.911       | 14.781.782.379  | -                        | 73.517.585.755         |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | -                   | -                    | -               | -                        | -                      |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                     |                      |                 |                          | 82.249.958.255         |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                     |                      |                 |                          | <b>155.767.544.010</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | -                   | -                    | -               | -                        | -                      |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | -                   | -                    | -               | -                        | -                      |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                     |                      |                 |                          | 54.765.017.131         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                     |                      |                 |                          | <b>54.765.017.131</b>  |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2013


Phạm Thị Kim Anh  
Người lập biểu

Hoàng Bá Chính  
Kế toán trưởngLê Hoàng Vũ  
Giám đốc

TP.HCM Ngày 25 tháng 03 năm 2013

**Xác nhận của người đại diện theo pháp luật**



**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

*[Handwritten signature]*  
**LÊ HOÀNG VŨ**

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

- Địa chỉ: Lô 6 – 12, Khu F1, Khu Công Nghiệp Tân Thới Hiệp, Phường Hiệp Thành, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (08) 35974228 – (08) 35974229 – (08) 35974230
- Số fax: (08) 35974231
- Website: [www.vmpack.com](http://www.vmpack.com)
- Email: [vmpack@vmpack.com](mailto:vmpack@vmpack.com)